

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	vi
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1. Thông tin về chủ dự án đầu tư.....	1
2. Thông tin về dự án đầu tư.....	1
2.1. Tên dự án đầu tư.....	1
2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư.....	1
2.3. Quy mô dự án	3
2.4. Loại hình hoạt động của dự án.....	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	4
3.1. Công suất của dự án đầu tư	5
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ của dự án đầu tư.....	5
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	6
4.1. Giai đoạn xây dựng	6
4.2. Giai đoạn vận hành.....	8
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	10
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	11
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
2.1. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của MT tiếp nhận nước thải	11
2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của MT tiếp nhận CTR.....	15
2.3. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của MT tiếp nhận khí thải	16
2.4. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận tiếng ồn Tiếng ồn.....	18

Chương III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	20
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	20
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án.	21
3.1. Môi trường không khí.....	21
3.2. Môi trường nước.....	22
3.3. Môi trường đất.....	22
Chương IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	25
1.1. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	25
1.2. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, CTR công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	27
1.3. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .	29
1.4. Đánh giá tác động và đề xuất công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	30
1.5. Sự cố và biện pháp phòng tránh tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ ..	33
2. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	34
2.1. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp xử lý nước thải:	34
2.2. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .	38
2.3. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn	39
2.4. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	43
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	45
2.6. Mùi hôi từ quá trình ủ mằm.....	46
2.7. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.....	47
Chương V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	49
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	49
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	50

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	50
Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	52
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	52
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	52
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	52
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	52
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	53
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	53
Chương VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	54
PHỤ LỤC.....	55
PHỤ LỤC BÁO CÁO	56

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa từ
BTNMT	: Bộ Tài nguyên & môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
BXD	: Bộ xây dựng
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
ĐVT	: Đơn vị tính
HCM	: Hồ Chí Minh
MTV	: Một thành viên
NXB	: Nhà xuất bản
NT	: Nước thải
KT-XH	: Kinh tế-xã hội
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
PGS	: Phó Giáo sư
Stt	: Số thứ tự
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	: Tài nguyên môi trường
Tp	: Thành phố
TT	: Thông tư
XLNT	: Xử lý nước thải
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 01: Tọa độ vị trí dự án	2
Bảng 02: Phân khu chức năng và hạng mục công trình dự án	4
Bảng 03: Khối lượng nguyên, vật liệu ước tính sử dụng	6
Bảng 04: Thành phần và khối lượng nguyên liệu.....	8
Bảng 05: Thời gian thực hiện dự án.....	10
Bảng 06: Tính chất đặc trưng của NTSH.....	12
Bảng 07: Hiệu suất xử lý chất ô nhiễm khi qua bể tự hoại	13
Bảng 08: Hệ số ô nhiễm từ xe gắn máy.....	17
Bảng 09: Kết quả quan trắc môi trường không khí gần khu vực dự án	21
Bảng 10: Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận.....	22
Bảng 11: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất.....	23
Bảng 12: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	25
Bảng 13: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công.....	28
Bảng 14: Tiếng ồn điển hình của các thiết bị ở khoảng cách 2m.....	31
Bảng 15: Mức độ gây rung của một số loại máy móc xây dựng	32
Bảng 16: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo Công văn số 451/STNMT-MT	39
Bảng 17: Tổng khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh	41
Bảng 18: Tổng khối lượng CTNH phát sinh.....	42
Bảng 19: Tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe của con người.....	44
Bảng 20: Tiến độ hoàn thành và dự toán kinh phí các công trình BVMT	47
Bảng 21: Giá trị tối đa cho phép của các thông số	49
Bảng 22: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải	50
Bảng 23: Giới hạn đối với tiếng ồn đề nghị cấp phép.....	51

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 01: Quy trình hoạt động của dự án	5
Hình 02: Sản phẩm của dự án.....	6
Hình 03: Nguyên, vật liệu phục vụ sản xuất của dự án.....	9
Hình 04. Sơ đồ đánh giá sơ bộ nguồn nước tiếp nhận nước thải	14
Hình 05: Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt	35
Hình 06: Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn	36
Hình 07: Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa.....	38
Hình 08: Quy trình thu gom và xử lý chất thải rắn sản xuất.....	41

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Thông tin về chủ dự án đầu tư

Tên chủ dự án đầu tư: HIỆU MẮM ÚT NHANH.

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: (Ông) Trần Văn Nhanh. Chức vụ: Chủ dự án.

+ Số CCCD: 089067017321;

+ Ngày cấp: 28/06/2021, Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Điện thoại: 0399972707.

- Giấy đăng ký hộ kinh doanh số 52C8000939 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 11 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 29 tháng 9 năm 2020 do phòng Tài chính Kế hoạch huyện An Phú cấp.

2. Thông tin về dự án đầu tư

2.1. Tên dự án đầu tư:

HIỆU MẮM ÚT NHANH.

2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

Dự án Hiệu mằm Út Nhanh tọa lạc tại ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Vị trí thực hiện dự án có diện tích 298 m², có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Tây Bắc: Giáp với nhà dân.

+ Phía Đông Bắc: Giáp đường nhựa liên xã.

+ Phía Tây Nam: Giáp với đất trồng cây lâu năm.

+ Phía Đông Nam: Giáp với đường hẻm.

Bảng 01: Tọa độ vị trí dự án

Điểm góc tọa độ	Hệ tọa độ VN-2000	
	X (m)	Y(m)
1	0533471	1199942
2	0533456	1199933
3	0533453	1199939
4	0533468	1199947

☞ *Mối tương quan của dự án với các đối tượng tự nhiên:*

- Khu vực dự án không thuộc danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học... nên việc triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến các đối tượng trên (thu hẹp không gian, biến đổi cấu trúc, chức năng...).

- Cách khu vực dự án khoảng 100 m về phía Đông Bắc là sông Phú Hội phục vụ mục đích lưu thông giao thông đường thủy và tưới tiêu nông nghiệp.

- Xung quanh khu vực cơ sở bán kính khoảng 8 km theo hướng Tây Bắc có khu bảo tồn các loài, sinh cảnh (Búng Bình Thiên). Thuộc địa phận ba xã Nhơn Hội, Quốc Thái và Khánh Bình của huyện An Phú là Khu bảo tồn loài, sinh cảnh cấp tỉnh.

- Tại khu vực dự án có hai hướng gió chính là Tây Nam thổi vào từ tháng 5 đến tháng 10 mang hơi nước về tạo mưa; từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau là gió mùa Đông Bắc có đặc điểm lạnh và khô.

- Các đối tượng tự nhiên khác xung quanh khu vực cơ sở chủ yếu là đất nông nghiệp, trồng lúa và cây lâu năm.

☞ *Mối tương quan của cơ sở với các đối tượng kinh tế xã hội*

- Cách dự án khoảng 120 m về phía Đông Bắc là đường tỉnh 957, tuyến đường giao thông trọng điểm của huyện An Phú;

- Tiếp giáp với dự án về phía Đông Bắc là tuyến đường nhựa liên xã, quy mô nền đường rộng khoảng 5 m.

- Cách khu vực dự án khoảng 150 m về phía Bắc là Trường tiểu học C Phú Hội.

+ Cách dự án khoảng 400 m về phía Tây Bắc có chùa Phú Hòa Tự.

- Các công trình văn hóa, di tích, lịch sử: Khu vực dự án và lân cận trong bán kính khoảng 1km không có công trình di tích lịch sử nào.

- Dự án có phát sinh nước thải cần phải xử lý theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và tại mục số 2, Phụ lục V, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ. Do đó, dự án thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của UBND huyện An Phú.

- Dự án thuộc mục số 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Quy mô dự án

2.3.1. Quy mô dự án đầu tư

Quy mô của dự án: Tổng mức đầu tư 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), thuộc dự án nhóm C – Cơ sở công nghiệp với tổng vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

2.3.2. Diện tích dự án

Dự án đã được xây dựng dựa trên nền nhà ở hiện hữu đã có sẵn của gia đình do ông Trần Hoài Thành làm chủ hộ và cho ông Trần Văn Nhanh thuê lại để kinh doanh với tổng diện tích 298 m². Bao gồm:

- Khu vực sản xuất, kinh doanh: Diện tích 77 m².
- Các hạng mục công trình BVMT: 3 m².
- Cây xanh: Diện tích 218 m².

Hiện tại, cơ sở đã hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật và thoát nước, chủ dự án chỉ cải tạo lại một số hạng mục nhỏ như ngăn vách bố trí khu vực ủ mắm và khu vực rửa nguyên liệu. Các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động được chủ cơ sở thu gom và xử lý đúng quy định.

2.3.3. Hạng mục công trình dự án

Từ năm 2003 đến nay, dự án chủ yếu thu mua cá đã được sơ chế sẵn, bán cho các thương lái khu vực thành phố Châu Đốc sản xuất mắm, nên dự án chưa lập thủ tục về môi trường. Từ tháng 01/2023 đến nay, theo khuyến khích của chính quyền địa phương về phát triển ngành nghề mắm truyền thống, dự án đã đầu tư, xây dựng phát triển nghề mắm, vừa giải quyết việc làm người dân địa phương, vừa góp phần phát triển kinh tế chung của huyện.

☞ Dự án tiến hành phân khu chức năng và các hạng mục công trình như sau:

Bảng 02: Phân khu chức năng và hạng mục công trình dự án

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
I	Hạng mục công trình chính	60
-	Khu vực ủ mằm	18
-	Khu vực rửa nguyên liệu	9
-	Phòng ngủ	14
-	Nhà bếp	8
-	Phòng trưng bày và đóng gói sản phẩm	11
II	Hạng mục công trình phụ trợ	17
-	Lối đi nội bộ	17
-	Trồng cây xanh	218
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	3
-	Nhà vệ sinh	3
Tổng diện tích		80

→ Hạng mục công trình chính

- Các hạng mục công trình chính có diện tích 60 m².

- Kết cấu công trình: Nền lát gạch Granite 400mm x 400 mm; Tường xây gạch ống 80 x190mm, vữa trát tường mác 75 dày 15 mm; Cửa: Toàn bộ cửa đi, cửa sổ sử dụng khung nhôm Xingfa hệ 55 sơn tĩnh điện màu xám đậm, cửa đi sử dụng kính cường lực dày 10mm, 8mm; Cửa sổ sử dụng kính an toàn dày 6.38 mm; mái lợp tole.

→ Hạng mục công trình phụ trợ

- Hạng mục công trình phụ trợ của dự án chủ yếu là lối đi nội bộ diện tích 17 m².

- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép Max 200, lát gạch Granite 400 x 400 mm.

→ Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án là nhà vệ sinh diện tích 3,0 m².

- Kết cấu công trình: Nền lát gạch Granite 300 x 300 mm; Tường xây gạch ống 80 x190 mm, vữa trát tường mác 75 dày 15 mm; Cửa: Toàn bộ cửa đi, cửa sổ sử dụng khung nhôm Xingfa hệ 55 sơn tĩnh điện màu xám trắng, cửa đi sử dụng kính cường lực dày 10 mm, 8 mm; mái lợp tole.

2.4. Loại hình hoạt động của dự án

Loại hình hoạt động của dự án: Chế biến Mằm cá linh, mằm cá chốt, mằm cá sặc, mằm đu đủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

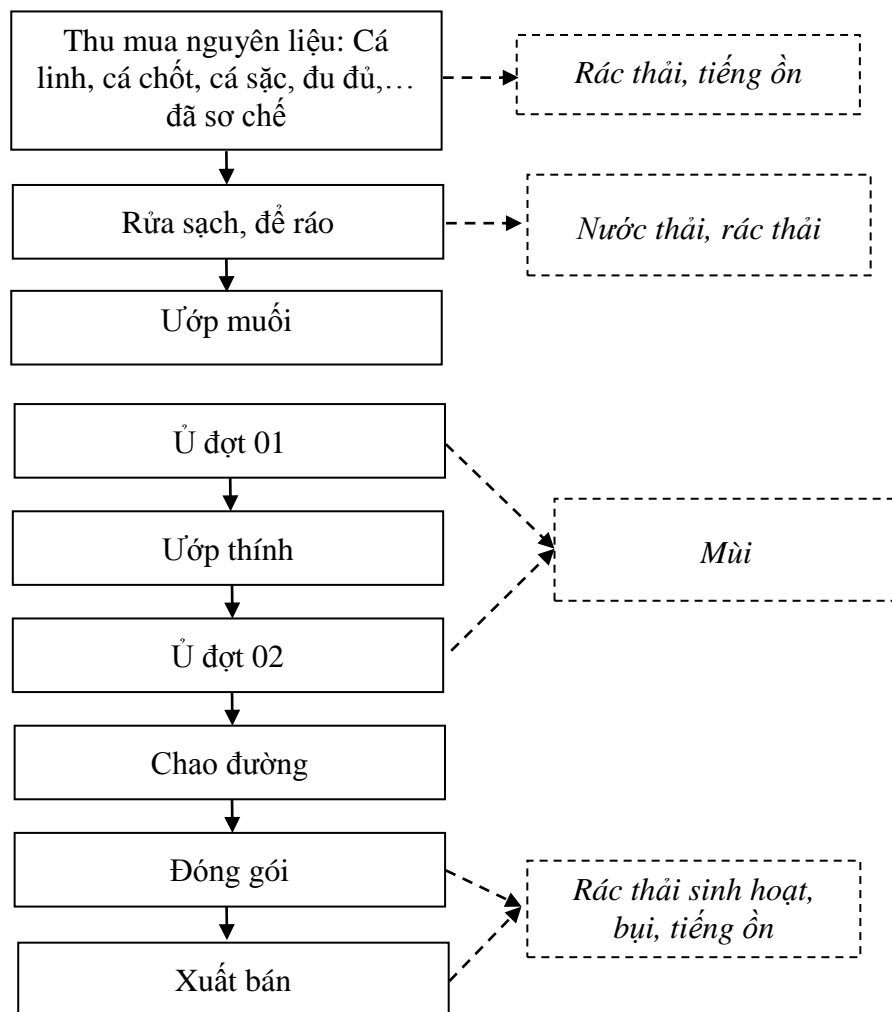
3.1. Công suất của dự án đầu tư

- Công suất: 20 Tấn sản phẩm/năm.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh: Chế biến mắm cá, khô các loại, nước mắm.
- Số lượng người sinh sống và làm việc tại dự án: 8,0 người trong đó:
 - + Quản lý: 02 người;
 - + Công nhân lao động: 04 người;
 - + Người sinh sống tại dự án nhưng không tham gia sản xuất: 02 người.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ của dự án đầu tư

Dự án hoạt động chủ yếu là chế biến mắm, dựa trên nguyên liệu các loại cá đặc trưng trên địa bàn đã được làm sạch từ các hộ dân hành nghề đánh bắt thủy sản trong khu vực huyện An Phú, dự án có quy trình hoạt động như sau:

- Quy trình hoạt động của dự án khi vào hoạt động



Hình 01: Quy trình hoạt động của dự án

- *Thuyết minh quy trình:* Nguyên liệu cá linh, cá chột, cá sặc, cá lóc, đu đủ đã được sơ chế để loại bỏ vây, vảy, nội tạng sạch sẽ từ các hộ dân hành nghề đánh bắt, được dự án thu mua về rửa lại sạch sẽ và để ráo. Nguyên liệu sau khi được làm sạch sẽ được đưa đi ướp đều muối trong khoảng 1 - 2 ngày và tiến hành ủ đợt 01 trong thời gian 120 - 150 ngày. Sau thời gian ủ đợt 01, cá sẽ được lấy ra để ướp thính, cá sau khi ướp thính sẽ được cho vào các xô để tiếp tục ủ đợt 2 thêm từ 40 - 60 ngày. Sau thời gian ủ đợt 2, cá sẽ được chao đường, thời gian chao đường từ 7 đến 15 ngày sau đó đưa ra đóng gói và xuất bán.

Nhìn chung, các công đoạn sản xuất của dự án phát sinh chủ yếu là nước thải, chất thải rắn thông thường, mùi, bụi và tiếng ồn của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Mắm cá linh, mắm cá chột, mắm cá sặc, mắm đu đủ..



1. Mắm cá chột



2. Mắm cá linh



3. Mắm đu đủ

Hình 02: Sản phẩm của dự án

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn xây dựng

4.1.1. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu:

Khối lượng nguyên, nhiên vật liệu ước tính sử dụng cho dự án như sau:

Bảng 03: Khối lượng nguyên, vật liệu ước tính sử dụng

Stt	Nguyên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng (m ³)
1	Đá	m ³	1,0
2	Cát vàng	m ³	2,0
3	Cát mịn ML=1,5-2,0	m ³	2,5

Chủ dự án: Hộ kinh doanh Hiệu mắm Út Nhanh – điện thoại: 0949641644

Địa chỉ: Ấp Phú Nghĩa - xã Phú Hội - huyện An Phú - tỉnh An Giang

Stt	Nguyên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng (m ³)
4	Gạch ceramic 400x400	Viên	100
5	Xi măng An Giang	Bao	120
6	Thép	kg	150
7	Sơn	lít	12
8	Que hàn	Que	100

- Nguồn cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu cho dự án từ các đơn vị cung cấp trên địa bàn xã Phú Hội và thị trấn An Phú, với trữ lượng và chất lượng đảm bảo. Chủ dự án sẽ hợp đồng với các đơn vị cung cấp vận chuyển nguyên, vật liệu đến tận công trình.

- Phương án tập kết: Các nguyên, nhiên, vật liệu của dự án được bố trí trong các kho chứa tạm tại khu vực dự án, có mái che tránh mưa gió, tránh hư hỏng, biến chất trong quá trình bảo quản. Một số nguyên liệu đặc trưng như đá dăm, cát, đất đắp,... được che phủ bằng bạt để đảm bảo chất lượng, tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh. Riêng đối với nhiên liệu như xăng, dầu mazut, dầu diesel, hầu hết mua đến đâu sử dụng đến đấy, hạn chế tồn trữ tại công trình. Nguồn nguyên, nhiên, vật liệu và một số thiết bị, máy móc trong quá trình thi công được tập kết trong phạm vi giới hạn của dự án, không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Tuyến đường vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu: Lựa chọn tuyến đường vận chuyển hợp lý, hạn chế tối đa các phương tiện vận chuyển vào trong khu vực nội thành, khu đông dân cư, đặc biệt vào giờ cao điểm.

4.1.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước

a) Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

Trong quá trình thi công nguồn nước được lấy từ nhà máy nước tại địa phương để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của các công nhân và thi công các hạng mục công trình. Dự kiến khoảng 03 công nhân. Theo QCXDVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch xây dựng, lượng nước cấp sinh hoạt cho khu vực dự án là ≥ 80 lít/người/ngày.đêm (chọn định mức 80 lít/người/ngày.đêm). Riêng công nhân không lưu trú tại dự án thì lượng nước cấp ước tính bằng $\frac{1}{2}$ định mức (tức 40 lít/người/ngày.đêm). Tổng lượng nước cấp cần thiết là 03 người x 40 lít/người/ngày.đêm = 120 lít/ngày.đêm, tương đương 0,12 m³/ngày.đêm.

- Nhu cầu nước cho các hoạt động xây dựng tại dự án như: Trộn hồ, rửa thiết bị, máy móc,... Ước tính phát sinh khoảng 0,3 m³/ngày.

Vậy tổng lượng nước sử dụng cho giai đoạn xây dựng của dự án là 0,42 m³/ngày.

b) Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện

Điện chủ yếu dùng cho chiếu sáng công trường chỉ khoảng 150 kW/tháng. Nguồn điện phục vụ cho quá trình thi công xây dựng của dự án được lấy từ nguồn điện hiện đang cấp cho khu vực.

4.1.3. Nhu cầu thoát nước

- *Thoát nước thải:* Nước thải giai đoạn này chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân và nước rửa dụng cụ, thiết bị trên công trường, với nhu cầu xả thải bằng 100% nhu cầu cấp nước của dự án tương đương 0,62 m³/ngày.

- *Thoát nước mưa:* Tổng diện tích dự án là 298 m², với lượng mưa trung bình hàng ngày của tháng có lượng mưa nhiều nhất năm 2021 (tháng 10) là $257,4/30 = 8,58$ mm/ngày. Khu đất thực hiện dự án đã được láng bê tông nên chọn hệ số chảy tràn là 0,85. Ước tính lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án là: $298 \text{ m}^2 \times 0,85 \times 8,58 \text{ mm/ngày} \times 10^{-3} = 2,17 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu

→ *Nhu cầu về nguyên liệu:*

Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu sử dụng thông thường đối với dự án chủ yếu là cá đã được làm sạch, còn tươi đã được sơ chế từ nhà các hộ dân.

Bảng 04: Thành phần và khối lượng nguyên liệu

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng/năm
1	Cá linh	Kg	5.000
2	Cá sặc	Kg	5.000
3	Cá chột	Kg	5.000
4	Đu đủ	Kg	2.000
5	Thính	Kg	500
7	Muối	Kg	500
8	Đường	kg	500

☞ Một số hình ảnh minh họa nhu cầu sử dụng nguyên liệu của dự án:



Cá linh



Cá chốt



Cá sặc



Đu đủ

Hình 03: Nguyên, vật liệu phục vụ sản xuất của dự án

→ *Nhu cầu về nhiên liệu:* Nguồn điện cung cấp cho quá trình hoạt động của dự án được lấy từ mạng lưới điện trong khu vực. Chủ yếu sử dụng cho việc thắp sáng và phục vụ các hoạt động của thiết bị bảo quản lạnh. Ước tính lượng điện tiêu thụ khoảng 300 kW/tháng.

→ *Nhu cầu hóa chất:* Quá trình hoạt động của dự án không sử dụng chủng loại hóa chất nào.

4.2.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước

a) Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

- Nhu cầu cung cấp nước sinh hoạt: Được lấy từ nhà máy nước tại địa phương. Theo QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch xây dựng, lượng nước cấp sinh hoạt cho khu vực dự án là ≥ 80 lít/người/ngày.đêm (chọn định mức 80 lít/người/ngày.đêm). Riêng công nhân không lưu trú tại dự án thì lượng nước cấp ước tính bằng $\frac{1}{2}$ định mức (tức 40 lít/người/ngày đêm).

→ Đối với 04 công nhân: 04 người x 40 lít/người/ngày đêm = 160 lít/ngày đêm = 0,16 m³/ngày đêm (1);

→ Đối với 04 người lưu trú lại dự án: 04 người x 80 lít/người/ngày đêm = 320 lít/ngày đêm = 0,32 m³/ngày đêm (2);

Vậy lượng nước sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt tại dự án là: (1) + (2) = 0,48 m³/ngày.đêm (a).

- Nước dùng cho hoạt sản xuất: Chủ yếu là nước dùng trong công đoạn rửa lại nguyên liệu cá, trung bình 01 ngày dự án thu mua khoảng 500 kg nguyên liệu, về rửa lại sẽ làm phát sinh khoảng 1,5 m³ nước sạch. Vậy lượng nước sử dụng cho hoạt động sản xuất là: 1,5 m³/ngày (b).

- Nước rửa sàn, nền và dụng cụ sản xuất: Trung bình 0,5 m³/ngày (c).

Tổng lượng nước cấp tại dự án là: (a) + (b) + (c) = 0,48 + 1,5 + 0,5 = 2,48 m³/ngày.đêm.

b) Nhu cầu về cung cấp điện

Điện chủ yếu dùng cho chiếu sáng công trường chỉ khoảng 300 kW/tháng. Nguồn điện phục vụ cho quá trình thi công xây dựng của dự án được lấy từ nguồn điện hiện đang cấp cho khu vực.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

Hiện trạng khu vực kinh doanh đã được đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, mặt bằng dự án đã bê tông hóa bằng phẳng, không cần san lấp nhưng cần cải tạo một số hạng mục công trình như khu vực ủ mằm và khu vực rửa nguyên liệu để thuận lợi cho quá trình hoạt động của dự án

☞ Tiến độ thực hiện dự án: Thời gian thực hiện dự án dự kiến:

Bảng 05: Thời gian thực hiện dự án

Stt	Giai đoạn	Thời gian thực hiện					
		Năm 2022	Năm 2023				Năm 2024
		Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	trở về sau
1	Thủ tục pháp lý liên quan đến dự án (môi trường, xây dựng, ...)	x	x	x			
2	Xây dựng dự án (tháo dỡ hạ tầng cũ và xây dựng dự án mới)				x	x	
3	Hoạt động						x

(Nguồn: Chủ dự án cung cấp, năm 2022)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Phù hợp Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Vị trí dự án không nằm trong vùng quy hoạch môi trường Quốc gia, quy hoạch của tỉnh An Giang như: Quy hoạch đa dạng sinh học, Quy hoạch Tài nguyên nước,... không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải theo quy định tại Điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Vị trí dự án phù hợp với Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh nên vị trí thực hiện dự án là phù hợp với quy định hiện hành.

- Vị trí kinh doanh của dự án thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8 với tổng diện tích 298 m², trong đó có 80 m² đất ở được dùng để sản xuất, kinh doanh. Do đó, hoạt động của dự án hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch sử dụng đất của huyện An Phú và tỉnh An Giang. Dự án không tác động đến các yếu tố nhạy cảm môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Nước thải phát sinh chủ yếu từ sinh hoạt của các thành viên trong gia đình và công nhân làm việc tại dự án.

- *Thành phần:* Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các thành phần vô cơ, vi sinh vật và vi trùng gây bệnh. Ngoài ra, NTSH còn chứa các vi khuẩn vô hại, chúng có khả năng phân hủy các chất thải qua sự thủy phân, sự khử và sự oxy hóa.

Bảng 06: Tính chất đặc trưng của NTSH

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ trung bình	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	6,8	5 – 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	220	100
3	Tổng chất rắn (TS)	mg/L	720	-
4	COD	mg/L	500	-
5	BOD5	mg/L	250	50
6	Nitơ tổng	mg/L	40	-
7	Phospho tổng	mg/L	8	-

(Nguồn: Giáo trình công nghệ xử lý nước thải - Trần Văn Nhân & Ngô Thị Nga, 1999)

+ Các chất hữu cơ: Việc ô nhiễm hữu cơ sẽ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước do vi sinh vật sử dụng oxy hòa tan để phân hủy các chất hữu cơ. Nồng độ oxy hòa tan dưới 50 % bão hòa có khả năng gây ảnh hưởng tới sự phát triển của tôm, cá. Oxy hòa tan giảm không chỉ gây tác hại nghiêm trọng đến tài nguyên thủy sinh mà còn làm giảm khả năng tự làm sạch của nguồn nước.

+ Chất rắn lơ lửng: Các chất rắn lơ lửng hạn chế độ sâu của tầng nước được ánh sáng chiếu xuống, gây ảnh hưởng tới quá trình quang hợp của tảo, rong rêu... và do đó cũng là tác nhân gây ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên thủy sinh, tăng độ đục nguồn nước và gây bồi lắng.

+ Các chất dinh dưỡng N, P: Nguồn nước có mức N, P vừa phải sẽ là điều kiện tốt cho rong tảo, thủy sinh vật phát triển và cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nguồn thủy sản. Khi nồng độ các chất dinh dưỡng quá cao sẽ gây nên hiện tượng phú dưỡng hóa nguồn nước. Hiện tượng này làm giảm sút chất lượng nước do tăng độ đục, tăng hàm lượng hữu cơ và có thể có độc tố do tảo tiết ra gây cản trở đời sống thủy sinh và ảnh hưởng đến nguồn nước cấp cho sinh hoạt.

+ Dầu mỡ: Nước thải có lẫn dầu mỡ tạo thành lớp váng dầu gây cản trở quá trình hòa tan oxy vào nước, làm giảm oxy nguồn nước, gây cản trở quá trình hô hấp của các loài thủy sinh trong khu vực, ảnh hưởng đến khả năng tự làm sạch của nguồn nước.

- *Thải lượng*: Theo Nghị Định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải, khối lượng nước thải sinh hoạt bằng 100 % khối lượng nước cấp. Vậy, lượng nước thải phát sinh hàng ngày tại dự án là 0,48 m³/ngày đêm.

- *Biện pháp xử lý*: Dự án đã xây dựng 01 nhà vệ sinh có hầm tự hoại 03 ngăn, diện tích 3,0 m² (thể tích hầm tự hoại 4,5 m³) để thu gom, xử lý nước sinh

hoạt. Bể tự hoại là công trình đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này: chất lơ lửng đạt 87 – 88 % và BOD5 đạt 63 – 77 %, xử lý nitơ đạt 66 %. (Nguồn: PGS, TS Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2, Kỹ thuật xử lý nước thải). Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, được xây bằng bê tông cốt thép M250, đáy bằng tấm đan.

+ Ngăn chứa: Các thành phần hydrocacbon, đạm, chất béo,...có trong nước thải được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men trong bể chuyển hóa thành bùn cặn.

+ Ngăn lắng 1: Nước thải có chứa bùn cặn tiếp tục qua ngăn lắng 1, tại đây dưới tác dụng của trọng lượng các hạt bùn cặn sẽ lắng xuống đáy bể và tiếp tục phân hủy nhờ các vi sinh vật yếm khí, cặn sẽ lên men, mùi hôi và thể tích bùn cặn giảm, định kỳ 6 tháng/lần sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn và xử lý theo quy định. Nước trong tiếp tục qua ngăn lắng 2 để tiếp tục lắng.

+ Ngăn lắng 2: Tại ngăn lắng 2, quá trình cũng diễn ra tương tự như ở ngăn lắng 1.

+ Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ tự ngấm vào lòng đất và một lượng nhỏ được thải ra mương tưới tiêu nội đồng phía sau dự án.

Bảng 07: Hiệu suất xử lý chất ô nhiễm khi qua bể tự hoại

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ		Hiệu suất xử lý (%)
			Chưa xử lý	Qua bể tự hoại	
1	pH		5-9	5-7	-
2	BOD5 (200C)	mg/L	450-540	100-200	63-77
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	700-1450	80-160	87-88
4	Nitơ (theo NO3-)	mg/L	60-120	20-40	66
5	Phosphor (theo PO43-)	mg/L	20	-	-
6	Tổng coliform	MPN/100mL	106- 109	-	-

(Nguồn: PGS, TS. Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2 – kỹ thuật xử lý nước thải)

b) Nước thải sản xuất

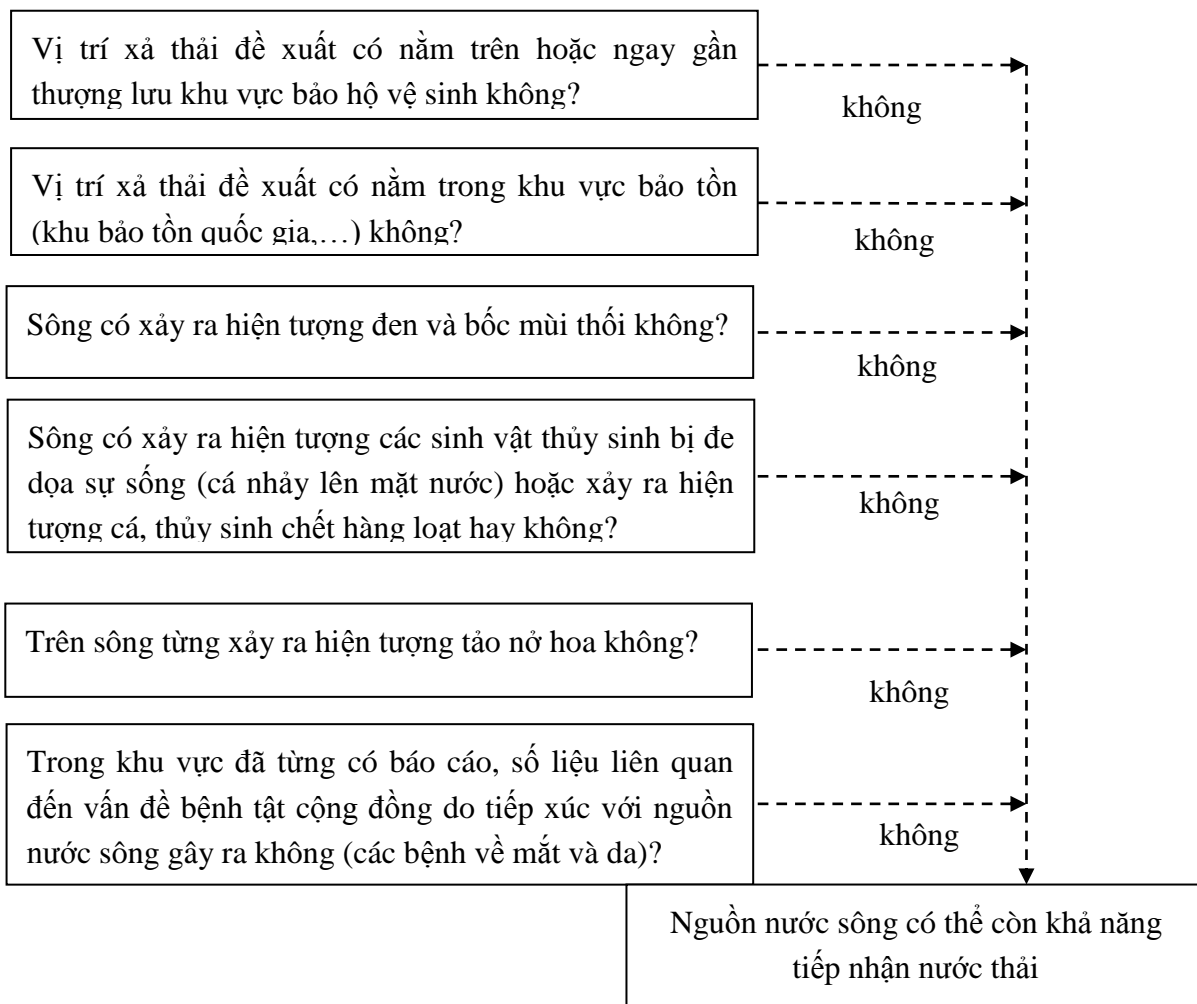
- Nguồn phát sinh: Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu là công đoạn rửa lại nguyên liệu và rửa sàn. Tuy nhiên, các loại nguyên liệu đầu vào đã được sơ chế, rửa sạch từ nhà các hộ dân hành nghề đánh bắt trước khi dự án thu mua về

để sản xuất khô. Nền hàm lượng chất ô nhiễm có trong nước thải không cao thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng và hữu cơ ở mức thấp.

- *Thải lượng*: Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày đêm.

- *Biện pháp xử lý*: Do nguyên liệu đầu vào tại dự án đã được làm sạch từ các hộ dân hành nghề đánh bắt trước khi dự án thu mua, nên hàm lượng chất ô nhiễm của nước thải đầu vào tương đối thấp và được chủ dự án thu gom xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn chung với nước thải sinh hoạt sau đó tự thấm xuống đất.

☞ **Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước**: Căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự án thực hiện đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải theo các bước như sau:



Hình 04. Sơ đồ đánh giá sơ bộ nguồn nước tiếp nhận nước thải

Nhận xét, đánh giá: Do nguồn nguyên liệu đầu vào đã được sơ chế từ các hộ dân, nên hàm lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải sản xuất của dự án là tương đối ít. Thành phần nước thải không còn chứa máu, vảy cá, ruột

cá, dầu mỡ động thực vật,... Chất lượng nước thải phát sinh của dự án không còn chứa các thành phần độc hại theo đặc trưng của chất thải công nghiệp. Ngoài ra, lưu lượng phát thải ít khoảng 2,48 m³/ngày.

Từ các yếu tố trên, có thể đánh giá việc xả nước thải của dự án không làm tác động xấu đến nguồn tiếp nhận và đảm bảo cho quá trình tự làm sạch và chuyển hóa các chất ô nhiễm của nguồn nước. Chất lượng nước thải đầu ra của dự án đạt quy chuẩn Việt Nam hiện hành, nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B và thải ra mương tưới tiêu nội đồng phía sau dự án. Do đó, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải là phù hợp với hoạt động của dự án.

2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sinh hoạt của các thành viên trong gia đình và công nhân làm việc tại dự án.

- *Thành phần gồm:* Bao nylon, giấy, hộp cơm, chai nhựa, thực phẩm dư thừa.

- *Khối lượng phát sinh:* Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án trung bình khoảng 2,7 kg/ngày.

- *Biện pháp xử lý:* Trang bị 8 thùng chứa rác có nắp đậy kín, dung tích thùng từ 10 – 20 lít để thu gom và phân loại rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án và lưu giữ tạm thời, chờ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý 1 lần/ngày.

b) Chất thải rắn sản xuất:

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án tại các công đoạn thu mua nguyên liệu, đóng gói sản phẩm.

- *Thành phần:* Chủ yếu là vỏ và ruột đu đủ, bao bì, dây buộc, xô nhựa, rổ nhựa lâu ngày hư hỏng.

- *Khối lượng:* Phát sinh khoảng 12 kg/ngày.

- *Biện pháp xử lý:* Trang bị 2 thùng chứa rác loại 10 - 20 lít và phân loại rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án và lưu giữ tạm thời, chờ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý, 1 lần/ngày.

c) Chất thải nguy hại:

- *Nguồn phát sinh*: Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

- *Thành phần*: Chủ yếu là bóng đèn quỳnh quang hỏng, chai xịt khử mùi, thuốc diệt côn trùng.

- *Khối lượng*: Phát sinh khoảng 1,5 kg/năm.

- *Biện pháp xử lý*:

+ Bố trí khu vực chứa có diện tích: 1 m².

+ Bố trí 2 thùng nhựa loại 20 lít, có dán nhãn CTNH để lưu giữ chất thải.

+ Hướng dẫn công nhân thu gom, phân loại lưu giữ chất thải rắn nguy hại vào thùng chứa an toàn, đúng quy định.

+ Định kỳ 6 tháng/lần sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom và xử lý theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT về quản lý CTNH.

☛ **Kết luận về sức chịu tải môi trường**: Dựa trên hiện trạng hoạt động của dự án và các biện pháp thu gom, quản lý, xử lý chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, CTR sản xuất, CTNH) cho thấy, hoạt động của dự án không gây ảnh hưởng đến môi trường. Trên địa bàn đã có đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp Luật hiện hành. Do đó, có thể kết luận hoạt động của dự án phù hợp với sức chịu tải môi trường đối với chất thải rắn.

2.3. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận khí thải

a) Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển

Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải chủ yếu phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, phương tiện đi lại như xe gắn máy vận chuyển hàng hóa.

Khí thải từ các phương tiện giao thông, vận chuyển hàng hóa ra vào dự án có chứa bụi, SO_x, NO_x, CO, tổng hydrocacbon và chì (Pb) có khả năng gây ô nhiễm không khí, làm ô nhiễm cục bộ tại khu vực dự án. Tuy nhiên, mức độ ô nhiễm còn tùy thuộc vào nồng độ các chất ô nhiễm, điều kiện địa hình, thời tiết, đối tượng bị ảnh hưởng, mật độ lưu thông của các phương tiện cơ giới và thời gian tác động, một số tác động đến sức khỏe con người do một vài tác nhân ô nhiễm như sau:

+ Tác hại của khí SO_x: Chất ô nhiễm gây kích thích, co giật cơ của khí quản, sưng tấy niêm mạc, làm nhiễm độc da, giảm khả năng tải Oxy của máu

SO_x còn là nguyên nhân gây mưa acid làm ảnh hưởng đến sự phát triển của thực vật cạn.

+ Tác hại của khí NO_x: Kích thích mạnh đường hô hấp, nhức đầu, ho, rối loạn tiêu hóa, có thể bị tổn thương thần kinh. Ngoài ra, NO_x kết hợp với nước tạo nên mưa acid, gây hại cho thực vật cạn, ăn mòn kim loại và các công trình kiến trúc làm giảm tuổi thọ của các công trình cũng như các sản phẩm bằng kim loại, thiết bị điện tử.

+ Tác hại của CO: Ở nồng độ khoảng 5 ppm CO có thể gây đau đầu, chóng mặt; ở nồng độ từ 10 - 250 ppm CO có thể gây tổn hại đến hệ thống tim mạch, thậm chí gây tử vong.

Bảng 08: Hệ số ô nhiễm từ xe gắn máy

Khí thải	Hệ số ô nhiễm			
	Xe 2 thì		Xe 4 thì	
	g/km	Kg/tấn nhiên liệu	g/km	Kg/tấn nhiên liệu
SO ₂	0,6S	20S	0,76S	20S
NO _x	0,08	2,7	0,3	8
CO	22	730	20	525
VOC	12	500	3	80

(Nguồn: WHO, Assessment of Sources Of Air, Water and Land Pollution, 1993)

- Biện pháp giảm thiểu: Bụi, khí thải phát sinh tương đối ít do phương tiện giao thông ra vào dự án ở mật độ thấp. Bên cạnh đó, bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có tính chất phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh đến mức thấp nhất nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 05:2013/BTNMT, chủ dự án đã thực hiện những biện pháp sau:

+ Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh khu vực sản xuất và lối đi nội bộ nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động, bê tông hóa lối đi nội bộ.

+ Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.

+ Yêu cầu các phương tiện đậu đúng nơi quy định và tắt động cơ trong quá trình lên xuống hàng.

+ Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh toàn bộ khu vực dự án.

b) Mùi hôi

- Nguồn phát sinh: Khu vực ủ mằm, do nguyên liệu sản xuất có mùi tanh lại ủ lâu ngày nên rất dễ phát sinh mùi hôi như khí như NH_3 , H_2S ... Lượng khí này rất khó tính toán được, nên chủ dự án đã có phương quản lý hiệu quả hạn chế tối đa việc phát sinh mùi hôi ra môi trường xung quanh.

- Biện pháp giảm thiểu:

+ Nguồn nguyên liệu đầu vào đã được loại bỏ ruột, mang, vảy dưới vây và các mạch máu từ các hộ dân đánh bắt trước khi mua về.

+ Trang bị 02 quả cầu thông gió inox, loại đường kính 450×450 cm, đảm bảo thông thoáng, hạn chế mùi phát sinh từ công đoạn ướp thính, ủ mằm,...

+ Ướp cá đúng quy trình để không bị phân hủy gây phát sinh mùi hôi gây ô nhiễm môi trường.

+ Gài chặt cá đã ướp và đậy kín nắp xô, để ở nơi khô ráo và tránh ánh nắng mặt trời để không gây phát sinh mùi hôi.

☞ **Đánh giá sức chịu tải môi trường đối với bụi, khí thải:** Bụi phát sinh tại dự án chủ yếu do các phương tiện vận chuyển. Khí thải phát sinh cục bộ, không thường xuyên và được khuếch tán vào môi trường không khí do pha loãng tự nhiên. Mùi hôi phát sinh được dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu hiệu quả tại nguồn. Do đó, môi trường khu vực có khả năng tiếp nhận bụi và khí thải từ hoạt động của dự án (môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05-MT:2015/BTNMT và Môi trường lao động đạt QCVN 03:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT).

2.4. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận tiếng ồn Tiếng ồn

→ Nguồn phát sinh: Phát sinh từ các phương tiện giao thông chủ yếu là xe gắn máy ra vào dự án. Độ ồn cao gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, (gây mất ngủ, mệt mỏi), tạo tâm lý khó chịu đến người dân xung quanh. Tuy nhiên nguồn phát sinh không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra thời gian ngắn. Do đó ít ảnh hưởng đến người dân xung quanh

→ Biện pháp giảm thiểu:

+ Yêu cầu các thành viên trong gia đình và công nhân giảm tốc độ cho phương tiện giao thông khi ra vào dự án. Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khu vực (≤ 20 km).

+ Nghiêm cấm nhân viên tụ họp gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

+ Thực hiện thời gian hoạt động hợp lý: Sáng từ 7h30 phút đến 11h trưa, chiều từ 13h đến 17h. Không hoạt động vào các giờ cao điểm từ 11h -13h và 18 giờ chiều đến 6h sáng hôm sau.

+ Nhắc nhở các thành viên trong gia đình và công nhân đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình làm việc tại dự án.

☞ Đánh giá sức chịu tải môi trường đối với tiếng ồn: Tiếng ồn phát sinh chủ yếu là từ xe gắn máy ra vào dự án. Tuy nhiên, nguồn phát sinh này không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn. Do đó, ít gây ảnh hưởng đến môi trường không khí và người dân xung quanh khu vực. Chủ dự án luôn thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và đảm bảo tiếng ồn phát sinh luôn đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

⇒ **Kết luận về sức chịu tải môi trường:** Dựa trên hiện trạng hoạt động của dự án và kết quả vận hành các công trình xử lý môi trường (xử lý nước thải, khí thải, tiếng ồn) và các biện pháp thu gom, xử lý chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, CTNH) cho thấy, hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng đến môi trường. Do đó, có thể kết luận hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng sức chịu tải của môi trường trong khu vực.

Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NỘI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Hiện trạng khu vực kinh doanh được đầu tư xây dựng trong phạm vi hạ tầng kỹ thuật cũ, mặt bằng dự án đã bê tông hóa bằng phẳng, không cần san lấp nhưng cần cải tạo một số hạng mục công trình nhỏ như khu ủ mằm và khu rửa nguyên liệu để thuận lợi cho quá trình hoạt động của dự án. Vì vậy sẽ phát sinh một lượng chất thải rắn khá lớn trong quá trình cải tạo lại công trình, nếu không được thu gom, xử lý hợp lý sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Việc triển khai dự án tác động không đáng kể đến tài nguyên sinh vật tại khu vực thực hiện dự án cũng như xung quanh khu vực thực hiện dự án. Theo khảo sát thực tế, tài nguyên sinh vật trong khu vực thực hiện dự án ít, không đa dạng chủ yếu là đất trồng cây lâu năm và đất ở hệ thực vật chủ yếu là các loài cây như chuối, mít, xoài, lúa nước, cỏ lông công, cỏ đuôi phụng, cỏ lác ..., một số loài động vật quen thuộc của địa phương (chim, chuột, chó, mèo, rắn mối,...). Khảo sát trong khu vực bán kính 3,0 km xung quanh khu vực thực hiện dự án không có khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, không có các loài thực vật, động vật hoang dã quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nên tác động của dự án đến tài nguyên sinh học trong khu vực là không đáng kể.

Theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 thì cách dự án khoảng 8 km theo hướng Tây Bắc có khu bảo tồn các loài, sinh cảnh (Búng Bình Thiên). Thuộc địa phận ba xã Nhơn Hội, Quốc Thái và Khánh Bình của huyện An Phú là Khu bảo tồn loài, sinh cảnh cấp tỉnh. Tuy nhiên, khoảng cách này là rất xa, vị trí hoạt động của dự án lại nằm ở phía hạ nguồn và ngồn tiếp nhận chất thải của dự án là mương thoát nước nội đồng nên các tác động gây ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn loài, sinh cảnh (Búng Bình Thiên) là hầu như không có khả năng xảy ra.

Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực dự án là đất ở nên hoàn toàn phù hợp với mục đích sử dụng đất. Vị trí thực hiện dự án cách xa các khu bảo tồn, khu vực sinh thái nhạy cảm nên những tác động khi triển khai dự án đến đa dạng sinh học là không đáng kể.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Do nguồn nguyên liệu đầu vào đã được sơ chế từ làm sạch từ nhà của các hộ dân, nên hàm lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải sản xuất của dự án không còn chứa các thành phần độc hại theo đặc trưng của chất thải công nghiệp. Ngoài ra, lưu lượng phát thải ít khoảng 2,48 m³/ngày. Chủ dự án đã xây

dựng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích lớn 4,5 m³. Nước thải sau khi được xử lý sẽ thoát ra mương tưới tiêu nội đồng phía sau cơ sở.

- Điểm xả thải: Mương tưới tiêu nội đồng phía sau cơ sở.

- Tọa độ vị trí nguồn tiếp nhận theo hệ VN 2000): X=0533391; Y=1199893

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Do quy mô dự án nhỏ, phạm vi tác động không cao, điều kiện dự án còn khấp nhiều khó khăn, nên dự án không thực hiện lấy mẫu đánh giá hiện trạng môi trường. Tuy nhiên, chủ dự án đã tham khảo kết quả quan trắc hiện trạng các thành phần môi trường tại dự án Hộ Kinh Doanh Đá Đỏ thuộc ấp Thạnh Phú, xã Khánh An cùng nằm trong địa bàn huyện An Phú để làm tư liệu đánh giá, kết quả quan trắc cụ thể như sau:

3.1. Môi trường không khí

- Vị trí quan trắc: Tại nhà dân gần nhất với cơ sở (Tọa độ VN 2000: X=0538473, Y = 1209339).

- Kết quả quan trắc:

Bảng 09: Kết quả quan trắc môi trường không khí gần khu vực dự án

TT	Thời gian Quan trắc	Vị trí	Ồn (dBA)	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)
1	Đợt 1 ngày: 05/7/2023	Tại nhà dân gần nhất với cơ sở. (Tọa độ VN 2000: X= 0538473, Y = 1209339)	67,3	0,187
2	Đợt 2 ngày: 06/7/2023		65,7	0,195
3	Đợt 3 ngày: 07/7/2023		66,2	0,203
Quy chuẩn so sánh		QCVN 26:2010/BTNMT	70	-
		QCVN 05:2013/BTNMT	-	0,3

(Nguồn: Dự án hộ kinh doanh Đá Đỏ xã Khánh An, năm 2023)

Ghi chú:

- Dấu (-): Quy chuẩn không quy định.

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Nhận xét, đánh giá kết quả:

Từ bảng kết quả phân tích các thông số ô nhiễm đặc trưng trong môi trường không khí xung quanh tại dự án cho thấy, chất lượng môi trường tại khu vực dự án khá tốt, các thông số ô nhiễm như Tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂ đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT. Tiếng ồn đo qua 03 đợt khảo sát đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

3.2. Môi trường nước

- Vị trí quan trắc: Nước mặt kênh nội đồng nơi tiếp nhận nguồn thải. (Tọa độ VN 2000: X= 0538388, Y = 1209510).

- Kết quả quan trắc

Bảng 10: Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận

Stt	Thông số	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)
		Đợt 01 05/7/2023	Đợt 02 06/7/2023	Đợt 03 07/7/2023	
1	pH	7,42	7,39	7,34	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	49	42	45	50
3	COD	28	22	29	30
4	BOD5	11	10	14	15
5	Coliform	4,6 x 10 ³	3,9 x 10 ³	3,6 x 10 ³	7.500

(Nguồn: Dự án hộ kinh doanh Đá Đỏ xã Khánh An, năm 2023)

3.3. Môi trường đất

- Vị trí quan trắc: Khu vực thực hiện dự án. (Tọa độ VN 2000: X= 0538401, Y = 1209520).

- Kết quả quan trắc:

Bảng 11: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT:2015/BTNMT (Đất nông nghiệp)
<i>Đợt 1: Ngày 05/7/2023</i>				
1	Cu	mg/kg	25,7	100
2	Zn	mg/kg	28,1	200
3	Cr	mg/kg	KPH	150
4	Pb	mg/kg	17,9	70
<i>Đợt 2: Ngày 06/7/2023</i>				
1	Cu	mg/kg	23,3	100
2	Zn	mg/kg	27,6	200
3	Cr	mg/kg	KPH	150
4	Pb	mg/kg	16,5	70
<i>Đợt 3: Ngày 07/7/2023</i>				
1	Cu	mg/kg	22,9	100
2	Zn	mg/kg	25,8	200
3	Cr	mg/kg	KPH	150
4	Pb	mg/kg	17,4	70

(Nguồn: Dự án hộ kinh doanh Đá Đỏ xã Khánh An, năm 2023)

- Ghi chú:

+ Ký hiệu “KPH”: Không phát hiện;

+ QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại nặng trong đất.

- Nhận xét: Từ kết quả phân tích các kim loại nặng trong môi trường đất tại dự án qua 03 đợt khảo sát cho thấy, tất cả các kim loại nặng As, Pb, Cu, Zn đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03-MT:2015/BTNMT (Đất nông nghiệp). Có thể thấy rằng, môi trường đất vẫn chưa có dấu hiệu ô nhiễm kim loại nặng, trong quá trình thi công cần quản lý tốt các chất thải phát sinh,

không để các thành phần ô nhiễm trong chất thải thâm nhập và gây suy thoái môi trường đất tại dự án.

☞ **Đánh giá hiện trạng môi trường khu vực xung quanh dự án:** Kết quả đánh giá hiện trạng môi trường tại cơ sở gần khu vực thực dự án cho thấy chất lượng môi trường không khí tương đối tốt, chưa phát hiện dấu hiệu bị ô nhiễm, chất lượng nước mặt chưa thật sự tốt do còn ô nhiễm hữu cơ, vi sinh, có thể gây bệnh cho người; nhưng vẫn có thể khắc phục, chất lượng môi trường đất tương đối tốt chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm kim loại nặng. Vì vậy, đặc điểm môi trường tự nhiên hoàn toàn phù hợp để hình thành dự án.

Chương IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công tháo dỡ và xây dựng

1.1. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Sinh hoạt tắm, giặt, vệ sinh của công nhân, ...

- *Thành phần, thải lượng:* Lượng công nhân tập trung tối đa trong quá trình thi công khoảng 03 người. Ước tính lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp, tương đương 0,12 m³/ngày đêm. Thành phần ô nhiễm chủ yếu của nước thải sinh hoạt là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và vi sinh cao.

Bảng 12: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ chưa xử lý
1	pH		5-9
2	BOD5 (200C)	mg/L	450-540
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	700-1450
4	Nitơ (theo NO ₃ -)	mg/L	60-120
5	Phosphor (theo PO ₄ ³⁻)	mg/L	20
6	Tổng coliform	MPN/100mL	106- 109

(*Nguồn: PGS, TS. Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2 – kỹ thuật xử lý nước thải*)

- *Tác động:* Chất hữu cơ trong nước thải sau khi phân hủy sẽ gây mùi hôi do sản phẩm phân hủy, khi thâm nhập vào các nguồn nước kế cận có thể làm tăng mức độ ô nhiễm. Do thải lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này rất nhỏ, nên mức độ tác động đến nguồn nước tại khu vực là rất nhỏ. Tuy nhiên, để đảm bảo không làm suy thoái môi trường khu vực dự án cần có biện pháp, thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn này.

- *Công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt:* Sử dụng công trình xử lý nước thải cũ bằng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 4,5 m³ và tự thấm vào đất.

- *Thời gian thực hiện:* đã xây dựng

b) Nước thải thi công tháo dỡ và xây dựng

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ các hoạt động thi công tháo dỡ và xây dựng tại dự án như: Trộn bê tông, rửa thiết bị, máy móc,...

- *Thành phần, thải lượng:* Chủ yếu chứa hàm lượng chất rắn lơ lửng cao. Ước tính phát sinh khoảng 0,3 m³/ngày.

- *Tác động:* Chất rắn lơ lửng là một trong những tác nhân tiêu cực gây ảnh hưởng xấu đến nguồn tài nguyên thủy sinh, ngoài ra nó còn làm tăng độ đục của nước, gây bồi lắng kênh rạch. Chất rắn lơ lửng nhiều có thể gây tắc nghẽn đường cống nếu không được xử lý thích hợp. Khi ra đến nguồn tiếp nhận, chất rắn lơ lửng lại làm tăng độ đục, ngăn cản oxy khuếch tán vào trong nước và ảnh hưởng đến quá trình quang hợp của thực vật cũng như đời sống của các sinh vật trong nước.

- *Công trình, biện pháp xử lý nước thải thi công xây dựng:* Xây dựng hồ lắng tạm thời gần khu vực thi công xây dựng. Nước thải từ khu rửa, trộn vật liệu được thu gom tạm và xử lý qua hồ lắng để lắng cặn, sau đó theo cống thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Kích thước hồ lắng: 1m x 1m x 1m = 1 m³. Tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống rãnh thu, hồ lắng đảm bảo thoát nước trong quá trình thi công, định kỳ 01 tuần/lần. Lượng bùn lắng sau khi nạo vét sẽ được tận dụng cho việc phủ đất trồng cây xanh trong khuôn viên của dự án hoặc sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và đổ thải theo quy định.

Các phương tiện hoạt động trên công trường khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu được đưa tới các gara chuyên nghiệp để xử lý hạn chế phát sinh nước thải trên công trường thi công.

Bố trí công nhân dọn sạch mặt bằng thi công vào cuối ngày làm việc. Không thi công vào ngày có mưa to, bão lũ.

- *Thời gian thực hiện:* Dự kiến từ tháng 08/2023 đến hết tháng 12/2023.

c) Nước mưa chảy tràn

- *Nguồn phát sinh:* Nước mưa chảy tràn qua khu vực công trường thi công, xây dựng.

- *Thành phần, thải lượng:* Quá trình chảy tràn sẽ làm nước mưa chứa các thành phần tổng Nitơ, tổng Phot pho, COD, TSS. Tổng diện tích dự án là 298 m², với lượng mưa trung bình hàng ngày của tháng có lượng mưa nhiều nhất năm 2021 (tháng 10) là 257,4/30 = 8,58 mm/ngày. Khu đất thực hiện dự án đã được láng bê tông nên chọn hệ số chảy tràn là 0,85. Ước tính lượng nước mưa

chảy tràn qua khu vực dự án là: $298 \text{ m}^2 \times 0,85 \times 8,58 \text{ mm/ngày} \times 10^{-3} = 2,17 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- *Tác động*: Lượng nước này chủ yếu tập trung trong mùa mưa, không chứa thành phần các chất ô nhiễm, theo nguyên tắc là có thể xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận mà không cần xử lý. Tuy nhiên, nước mưa chảy tràn nếu không có biện pháp tiêu thoát tốt sẽ gây tình trạng ứ đọng nước mưa, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- *Công trình, biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn*: Hiện trạng khu vực dự án được đầu tư xây dựng trong phạm vi hạ tầng kỹ thuật cũ, trong đó có hạng mục mái che chủ dự án sử dụng lại mái cũ. Nên công trình, biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn đã được thực hiện

+ Nước mưa theo độ dốc của mái nhà chảy vào sê nô thu gom đường kính 30 cm.

+ Thông số kỹ thuật: Sê nô thu gom được làm bằng chất liệu bằng tole, đường kính 35 cm và dài 7,5 m.

- *Thời gian thực hiện*: Đã xây dựng.

1.2. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động ăn uống hàng ngày của công nhân.

- Thành phần, thải lượng: Giấy bọc nilon, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa, vỏ các loại hoa quả, ... Thải lượng theo Công văn số 451/STNMT-MT ngày 17/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 0,45 kg/người/ngày (định mức áp dụng cho xã nông thôn). Với số lượng công nhân tập trung phục vụ thi công xây dựng khoảng 3 người, không lưu trú, lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính bằng $\frac{1}{2}$ định mức (tức 0,225 kg/người/ngày). Nên thải lượng phát sinh là $3 \text{ người} \times 0,225 \text{ kg} = 0,675 \text{ kg/ngày}$.

- *Tác động*: Làm mất mỹ quan khu vực, khi vớt bừa bãi xuống kênh, rạch gây bồi lắng và làm nơi cư ngụ và phát triển của ruồi, muỗi làm lây truyền dịch bệnh. Đối với rác thải là vỏ hoa quả, thức ăn thừa dễ phân hủy gây mùi hôi, làm ảnh hưởng môi trường không khí, suy thoái môi trường đất và có khả năng thẩm thấu gây ô nhiễm nước dưới đất tại khu vực tập kết.

- *Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt*: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng sẽ thu gom bằng thùng chứa rác dung tích 10 lít/thùng, có nắp đậy đặt tại khu công nhân sinh hoạt. Đến cuối ngày sẽ được tập trung phía trước dự án và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom: Thu gom 1 lần/ngày.

- *Thời gian thực hiện*: Dự kiến từ tháng 08/2023 đến hết tháng 12/2023.

b) Chất thải rắn thi công tháo dỡ và xây dựng

- *Nguồn phát sinh*: Từ quá trình phá dỡ các công trình cũ và quá trình cải tạo lại khu bảo quản sản phẩm và khu vực phơi cá.

- *Thành phần, thải lượng*: Phá dỡ công trình cũ chủ yếu là xà bần, tole, gạch,... Theo khảo sát thực tế, diện tích khu vực cải tạo khu ủ mằm và khu rửa nguyên liệu là 27 m². Theo số liệu thực tế ghi nhận tại các công trình phá dỡ và tham khảo hệ số tính toán của các công trình tương tự thì lượng chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình xây dựng được tính trung bình khoảng 100 kg/m². Khối lượng chất thải rắn phát sinh từ hoạt động giải tỏa khoảng: 27 m² x 100 kg/m² = 2,7 tấn.

- *Tác động*: Nếu các loại chất thải phát sinh không được quản lý, thu gom xử lý tốt sẽ làm ảnh hưởng mỹ quan khu vực, hoạt động đi lại của người dân, ...

- *Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn thi công, xây dựng*: Đối với xà bần, gạch chủ dự án sẽ tận dụng lại để gia cố thêm lối ra vào dự án. Các phế liệu như đầu sắt, thép, bao bì ... được thu gom vào 1 thùng chứa, dung tích 20 lít, đặt trong khu vực tập kết nguyên vật liệu, tận dụng bán cho dự án thu gom phế liệu.

- *Thời gian thực hiện*: Dự kiến từ tháng 7/2023 đến hết tháng 12/2023.

c) Chất thải nguy hại (CTNH)

- *Nguồn phát sinh*: Từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, hoạt động thấp sáng của dự án.

- *Thành phần, thải lượng*: Giẻ lau dính dầu nhớt thải, que hàn thải... Ước tính phát sinh khoảng 1 kg/tháng.

Bảng 13: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Que hàn thải	07 04 01	0,5
2	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	0,5
Tổng khối lượng			01

- *Tác động:* Các chất thải nguy hại khi thải vào môi trường sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường do đặc tính nguy hại, thời gian tồn tại, tích lũy của chúng. Các tác động cụ thể của chất thải nguy hại đối với con người và động vật như sau: Chất nguy hại gây tổn thương cho các cơ quan trong cơ thể, kích thích, dị ứng, gây độc cấp tính và mãn tính có thể gây đột biến gen, lây nhiễm, rối loạn chức năng tế bào... dẫn đến các tác động nghiêm trọng cho con người và động vật như gây ung thư, ảnh hưởng đến sự di truyền.

- *Công trình, biện pháp xử lý chất thải nguy hại:*

+ Lưu giữ vào 02 thùng chứa thể tích 10 lít/thùng (01 thùng chứa chất thải rắn, 01 thùng chứa chất thải lỏng), chất liệu bằng nhựa, nắp đậy kín và có dán chữ và biểu tượng nguy hại theo đúng quy định của pháp luật;

+ Bố trí 01 khu vực kín đáo, ít người qua lại để đặt thùng chứa chất thải nguy hại. Kết cấu: Xung quanh vùng tole, mái tole, nền chống thấm (nền bê tông), diện tích 1,0 m².

+ Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT sau khi kết thúc quá trình xây dựng dự án.

- *Thời gian thực hiện:* Dự kiến từ tháng 8/2023 đến hết tháng 12/2023.

1.3. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- *Nguồn phát sinh:* Từ quá trình tháo dỡ, vận chuyển và bốc xếp, tập kết nguyên, vật liệu trong quá trình cải tạo lại công trình.

- *Thành phần, thải lượng:* Chủ yếu là bụi cát, bụi đất, bụi từ các động cơ.

- *Tác động:* Sẽ tác động đáng kể đến môi trường và người dân xung quanh khu vực dự án. Tuy nhiên, tác động này chỉ diễn ra chủ yếu trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng. Do đó, các tác động chỉ mang tính chất tạm thời, không tác động lâu dài và sẽ giảm tối đa khi kết thúc thời gian thi công xây dựng dự án.

- *Công trình, biện pháp xử lý bụi:*

+ Dự án đã được xây hàng rào chắn bằng bê tông, cao khoảng 2,5 m để giảm thiểu bụi phát tán ra ngoài môi trường và ảnh hưởng tới dân cư xung quanh khu vực dự án.

+ Lập kế hoạch thi công hợp lý, tránh thực hiện vào giờ cao điểm, giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ - 13 giờ và sau 18 giờ).

+ Trang bị khẩu trang, găng tay, nón và các dụng cụ BHLĐ khác cho công nhân khi bắt đầu ca làm việc.

+ Các phương tiện vận tải chuyên chở vật liệu xây dựng không được chở quá tải và được phủ kín bằng vải bạt, tránh tình trạng rơi vãi vật liệu trên đường vận chuyển và được kiểm định định kỳ theo đúng quy định.

+ Khu vực tập kết vật liệu xây dựng che chắn kín bằng tole xung quanh giảm thiểu bụi phát tán ra ngoài môi trường và ảnh hưởng tới dân cư xung quanh khu vực dự án.

+ Thực hiện phun nước làm ẩm khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nội bộ, tuân thủ đúng các yêu cầu về thời điểm đảm bảo độ ẩm để hạn chế phát tán bụi.

+ Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm. Thực hiện nghiêm túc quy định về thời gian vận chuyển, vệ sinh,... của các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, không vận chuyển vật liệu xây dựng trong thời gian nghỉ ngơi (từ 11 giờ - 13 giờ và từ 17 giờ - 6 giờ sáng hôm sau), tránh tập kết vật liệu vào cùng thời điểm để hạn chế ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt người dân trong khu vực xung quanh dự án.

+ Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực dự án để giảm quãng đường vận chuyển nhằm giảm thiểu tối đa bụi phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân khi làm việc.

- *Thời gian thực hiện:* Dự kiến từ tháng 8/2023 đến hết tháng 12/2023.

1.4. Đánh giá tác động và đề xuất công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Tiếng ồn

- *Nguồn phát sinh:* Hoạt động của các máy móc thi công, phương tiện chuyên chở nguyên, vật liệu xây dựng, lắp ráp ván để đổ bê tông phục vụ cho công việc xây dựng công trình dự án.

- *Thải lượng:* Nguồn tiếng ồn thi công phát sinh không liên tục, phụ thuộc vào loại hình hoạt động của các máy móc, thiết bị được sử dụng. Sử dụng tiêu chuẩn tiếng ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công của “Ủy ban BVMT U.S – Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID” được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 14: Tiếng ồn điển hình của các thiết bị ở khoảng cách 2m

Stt	Máy móc thiết bị	Mức ồn ở khoảng cách 2m (dBA)
1	Xe tự đổ	83 - 94
2	Máy ủi	93
3	Máy xúc	84 – 92
4	Máy đầm	85 - 90
5	Máy cắt	78 - 86
6	Máy hàn	71 – 82

(Nguồn: WHO, 1993)

- *Tác động:* Mức ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người lao động cũng như gây mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu. Mức ồn cao còn làm giảm năng suất lao động, sức khỏe của công nhân trực tiếp tham gia thi công xây dựng (gây mất ngủ, mệt mỏi,..), tiếp xúc với nguồn ồn có cường độ cao trong thời gian dài không chỉ làm giảm thính lực mà còn ảnh hưởng đến cơ quan khác trong cơ thể gây rối loạn sinh lý, tạo tâm lý bức dọc khó chịu và có thể gây ra các bệnh như thần kinh, tim mạch, nội tiết... Ngoài ra nó có thể làm giảm năng suất lao động. Khả năng tác động đến cộng đồng dân cư gần khu vực dự án là rất thấp do xung quanh dự án không có nhiều hộ dân sinh sống. Ngoài ra, đối với tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án thì đây là nguồn ồn có tính di động và không tập trung, không liên tục nên mức độ tác động được đánh giá là không đáng kể.

- *Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:*

+ Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu ... vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép, đặc biệt khi đi qua khu dân cư. Ngoài ra các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành trong thời gian nghỉ ngơi của người dân.

+ Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, xe đồng thời không sử dụng các loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

+ Kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

+ Đối với các thiết bị gây ồn: sẽ được thiết kế giảm độ ồn cho máy khi vận hành. Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, thay thế các linh kiện xuống cấp.

+ Hạn chế hoạt động đồng thời của các thiết bị có độ ồn cao

+ Trang bị dụng cụ chống ồn cho các công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao như sử dụng chụp tai chống ồn và nút tai chống ồn.

- Thời gian thực hiện: Dự kiến từ tháng 7/2023 đến hết tháng 12/2023.

b). Độ rung

- Nguồn phát sinh: Rung động là do hoạt động của các phương tiện máy móc thi công. Nguồn phát sinh độ rung chủ yếu là máy cối trộn bê tông và xe chở vật liệu.

- Thái lượng: Dựa trên dự án số liệu của USEPA xác định được mức rung động của các máy thi công theo bảng sau:

Bảng 15: Mức độ gây rung của một số loại máy móc xây dựng

Stt	Loại máy móc	Mức độ rung động (theo hướng thẳng đứng Z, dB) Cách nguồn gây rung 10m
1	Xe tự đổ	74
2	Máy xúc	73
3	Máy đầm	90
4	Máy trộn bê tông	88
5	Xe bơm bê tông	74
QCVN 27:2010/BTNMT		75

(Nguồn: USEPA, 2007)

- Tác động: Các tác động do rung động của quá trình thi công dự án chỉ mang tính chất cục bộ, làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh dự án. Các tác động đến khu vực xung quanh là rất thấp do thời gian sử dụng máy móc thi công ngắn, không gian lan truyền rộng. Đối tượng chịu ảnh hưởng chủ yếu là 5,0 công nhân viên thi công trên công trường, dân cư gần dự án.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Kê cân bằng cối trộn bê tông.

+ Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đồng thời không sử dụng các loại máy móc, thiết bị không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

- *Thời gian thực hiện:* Dự kiến từ tháng 8/2023 đến hết tháng 12/2023.

1.5. Sự cố và biện pháp phòng tránh tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ

a) Tai nạn giao thông, lao động

- *Nguyên nhân:* Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng ra – vào khu vực dự án cũng như đi lại của người dân xung quanh và sự cố bất cẩn trong quá trình thi công xây dựng, vận hành máy móc thiết bị của công nhân.

- *Tác động:* Gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của công nhân và những người xung quanh.

- *Biện pháp phòng tránh tai nạn giao thông, lao động:*

Để phòng tránh tai nạn giao thông thực hiện các biện pháp như sau:

+ Các phương tiện vận chuyển như ô tô tải, còi trộn vữa,... khi hoạt động di chuyển, có chỉ dẫn an toàn lao động.

+ Không uống rượu, bia, chất kích thích hay buồn ngủ trong quá trình làm việc tại dự án

+ Thực hiện tốt việc che chắn khu vực thi công cách ly với khu vực bên ngoài.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại dự án.

- *Thời gian thực hiện:* Dự kiến từ tháng 8/2023 đến hết tháng 12/2023.

b) Phòng tránh sự cố cháy nổ

- *Nguyên nhân:* Sự cố cháy nổ xảy ra thường là do chập điện, hư dây dẫn, các động cơ sử dụng điện hoạt động quá tải.

- *Tác động:* Gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của công nhân và những người xung quanh.

- *Biện pháp phòng tránh cháy nổ:*

+ Hướng dẫn cho toàn bộ công nhân xây dựng biết về Luật Phòng chống cháy nổ, phương pháp phòng chống cháy nổ.

+ Quy định cấm hút thuốc lá tại các khu vực nguy hiểm, dễ xảy ra sự cố.

+ Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định.

+ Hệ thống cấp điện tạm phải được thiết kế độc lập, an toàn.

+ Thời gian thực hiện: Dự kiến từ tháng 8/2023 đến hết tháng 12/2023.

2. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp xử lý nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Nước thải phát sinh chủ yếu từ sinh hoạt của của các thành viên trong gia đình và công nhân làm việc tại dự án..

- *Thành phần, thải lượng:* Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các thành phần vô cơ, vi sinh vật và vi trùng gây bệnh. Ngoài ra, NTSH còn chứa các vi khuẩn vô hại, chúng có khả năng phân hủy các chất thải qua sự thủy phân, sự khử và sự oxy hóa.

Thải lượng theo Nghị Định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải, khối lượng nước thải sinh hoạt bằng 100 % khối lượng nước cấp. Vậy, lượng nước thải phát sinh hàng ngày tại dự án là 0,48 m³/ngày đêm.

- *Tác động:* Nước là nguồn truyền bệnh rộng nhất, nhanh nhất và nguy hiểm nhất. Khi sử dụng nguồn nước bị nhiễm bẩn có thể liên quan đến những nhóm bệnh sau đây: Các bệnh đường tiêu hóa như: tiêu chảy, tả, lỵ, thương hàn...; Các bệnh siêu vi trùng như: bại liệt, viêm gan B; Các bệnh ký sinh trùng, giun sán. Các bệnh lây truyền do các côn trùng có liên quan tới nước như: sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não,...; Các bệnh ngoài da như: ghẻ lở, bệnh phụ khoa. Việc ô nhiễm chất hữu cơ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước, ảnh hưởng đời sống tài nguyên thủy sinh.

b) Nước thải sản xuất

- *Nguồn phát sinh:* Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu là công đoạn rửa lại nguyên liệu. Tuy nhiên, các loại nguyên liệu đầu vào đã được sơ chế, rửa sạch từ nhà các hộ dân hành nghề đánh bắt trước khi dự án thu mua về để sản xuất khô. Nên hàm lượng chất ô nhiễm có trong nước thải không cao thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng và hữu cơ ở mức thấp.

- *Thải lượng:* Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày đêm.

- *Biện pháp xử lý:*

- *Tác động*: Do nguyên liệu đầu vào tại dự án đã được làm sạch từ các hộ dân hành nghề đánh bắt trước khi dự án thu mua, nên hàm lượng chất ô nhiễm của nước thải đầu vào tương đối thấp, thành phần ô nhiễm trong nước cũng như các tác động tương tự như nước thải sinh hoạt. Chính vì vậy được chủ dự án thu gom và xử lý chung bằng hầm tự hoại ba ngăn trước khi thoát ra mương tưới tiêu nội đồng phía sau cơ sở.

☞ Công trình, biện pháp thu gom nước thải

→ *Công trình thu gom nước thải*: Nước thải sinh hoạt, nước rửa nguyên liệu tại khu vực phát sinh được cơ sở lắp đặt ống nhựa PVC Ø90 mm, chiều dài 5 m để thu gom nước thải từ nhà vệ sinh và khu vực rửa nguyên liệu về hầm tự hoại.

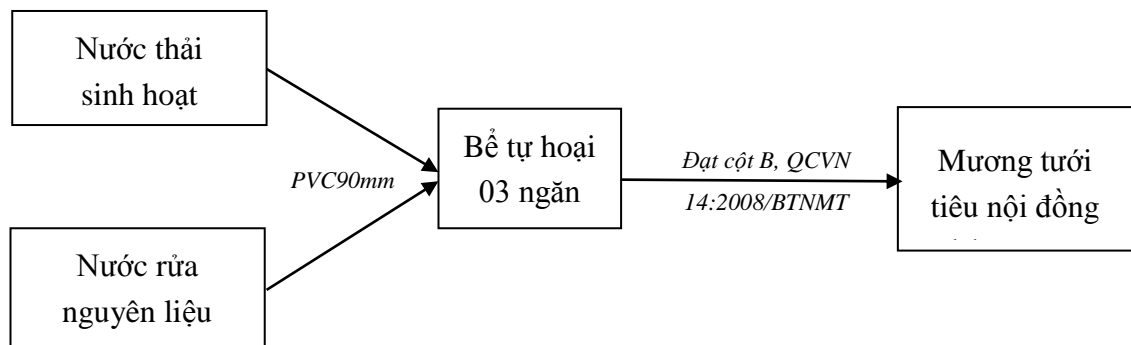
→ *Công trình thoát nước thải*: Tổng lượng nước thải phát sinh tại cơ sở là 2,48 m³/ngày.đêm. Được chủ dự án xây dựng hầm tự hoại 3 ngăn có thể tích lớn 4,5 m³ để xử lý. Nước thải sau xử lý được thoát ra mương tưới tiêu nội đồng bằng đường ống nhựa PVC Ø90, chiều 30 m.

→ *Điểm xả nước thải sau xử lý*

- Điểm xả thải: Mương tưới tiêu nội đồng phía sau cơ sở.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000): X=0533392; Y=1199892.

* *Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt được trình bày cụ thể như sau:*



Hình 05: Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

Thuyết minh sơ đồ: Nước thải sinh hoạt, nước rửa nguyên liệu tại khu vực phát sinh được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý bằng đường ống PVC Ø90 có chiều 30 m. Nước thải khi được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn sẽ đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, sau đó được thải vào mương tưới tiêu nội đồng

☞ Công trình, biện pháp xử lý nước thải

- Công trình xử lý tại chỗ:

+ Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: 2,48 m³/ngày. đêm

+ Công nghệ xử lý: Xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 4,5 m³ và tự thấm vào đất.

+ Yêu cầu xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

CẤU TẠO HẦM TỰ HOẠI 3 NGĂN



Hình 06: Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động: Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật 3 ngăn. Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải, cặn lắng được hút ra khỏi bể theo định kỳ 1 năm/lần, sau đó nước thải và cặn lơ lửng tiếp tục chảy qua ngăn thứ 2. Tại đây cặn còn lại tiếp tục lắng xuống đáy bể đồng thời các vi sinh vật yếm khí phân hủy, làm sạch các chất hữu cơ trong nước thải. Cuối cùng nước chảy qua ngăn lọc để lọc toàn bộ sinh khối và cặn lơ lửng còn lại. Hiệu quả xử lý hầm tự hoại: Chất rắn lơ lửng đạt 87 - 88 % và BOD5 đạt 63 - 77 %, xử lý Nitơ đạt 66 % đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), (Nguồn: PGS. TS Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2, kỹ thuật xử lý nước thải).

- Kết cấu của hầm tự hoại 3 ngăn:

+ Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm, đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

+ Ngăn lọc: chiếm 1/3 thể tích còn lại, nơi này chỉ nhận nước từ ngăn chứa phân đi qua bằng các lỗ thông trên vách

+ Ngăn khử mùi: chứa than, nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua than sẽ bị hấp thu mùi hôi trước khi xả ra bên ngoài.

- Thông số kỹ thuật: Tường bể tự hoại được xây gạch vữa M75, trát tường vữa M75, mặt trong đánh hồ dầu chống thấm. Đáy bể được đánh hồ dầu chống thấm, lán nền vữa M75, bê tông nền đá 1 x 2 mác 150, dày 20 cm, lớp đá 4 x 6 dày 10 cm.

c) Nước mưa chảy tràn

- *Nguồn phát sinh:* Do điều kiện môi trường tự nhiên và chế độ mưa hàng năm làm phát sinh lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án kéo theo các chất ô nhiễm gây ảnh hưởng đến môi trường.

- *Thành phần, thái lượng:* Quá trình chảy tràn sẽ làm nước mưa cuốn trôi theo các chất ô nhiễm như Tổng Nitơ, Tổng Phot pho COD, TSS,...

Theo tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 1993) ước tính nồng độ trung bình các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn khi so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước mặt ta thấy, chỉ tiêu Tổng Nitơ và Tổng Phot pho không được quy định trong quy chuẩn. Chỉ tiêu COD và TSS đều thấp hơn quy chuẩn cho phép nhiều lần. Điều đó cho thấy những tác động đến môi trường của nước mưa chảy tràn là không đáng kể, do đó có thể tách riêng biệt đường thoát nước mưa ra khỏi nước thải và cho thải trực tiếp ra môi trường. Ước tính lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án là: $298 \text{ m}^2 \times 0,85 \times 8,58 \text{ mm/ngày} \times 10^{-3} = 2,17 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- *Tác động:* Lượng nước này chủ yếu tập trung trong mùa mưa, không chứa thành phần các chất ô nhiễm, theo nguyên tắc là có thể xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận mà không cần xử lý. Tuy nhiên, nước mưa chảy tràn nếu không có biện pháp tiêu thoát tốt sẽ gây tình trạng ứ đọng nước mưa, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

↪ Công trình, biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn

- *Công trình thu gom nước mưa:*

Nước mưa sau khi được thu gom trên mái nhà được thải vào ống thoát nước PVC Ø90 phía sau cơ sở và thoát ra mương tưới tiêu nội đồng

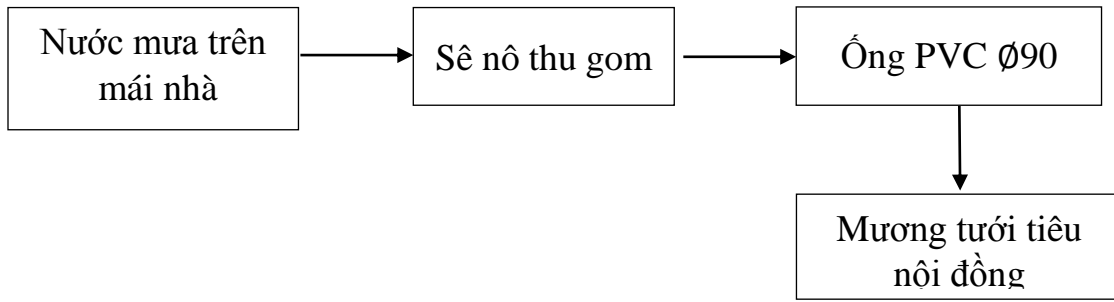
Thông số kỹ thuật: Ống thoát nước: Kết cấu PVC Ø90, chiều dài 30 m.

- *Công trình thoát nước mưa:*

+ Nước mưa sau khi được dẫn vào sê nô thu gom được thải vào ống thoát nước PVC Ø90, để dẫn nước từ mái nhà xuống đất và thoát ra môi trường theo độ dốc của địa hình khu vực.

+ Thông số kỹ thuật: Ống thoát nước PVC Ø 90: Chiều dài 6m.

+ Điểm xả nước mưa: Mương tưới tiêu nội đồng phía sau cơ sở.



Hình 07: Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa

- Thời gian thực hiện: Suốt quá trình hoạt động của dự án.

2.2. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Thành phần, thải lượng: Bụi sinh ra do các phương tiện di chuyển kéo theo các hạt cát, đá nhỏ, hạt keo trên đường vận chuyển... bụi có tác hại đến hệ hô hấp, mắt, da... và tùy theo tính chất của bụi mà tác động đến các cơ quan khác nhau của cơ thể. Tuy nhiên, tác động từ nguồn này không đáng kể.

Khí thải từ các phương tiện giao thông chủ yếu sử dụng nhiên liệu là xăng, dầu DO. Khi nhiên liệu bị đốt cháy sẽ phát sinh các chất ô nhiễm là: bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC... Các thành phần này tùy theo đặc tính của mỗi loại mà tác động lên môi trường và sức khỏe của con người theo mỗi cách khác nhau. Tuy nhiên, đây là nguồn ô nhiễm phân bố rải rác nên khó có thể khống chế một cách chặt chẽ được.

- Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phương tiện giao thông

+ Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh khu vực sản xuất và lối đi nội bộ nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động.

+ Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.

+ Yêu cầu các phương tiện đậu đúng nơi quy định và tắt động cơ trong quá trình lên xuống hàng.

+ Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh toàn bộ khu vực dự án và bê tông hóa lối đi nội bộ.

+ Rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất được thu gom vận chuyển xử lý trong ngày.

+ Trang bị bảo hộ cho nhân viên làm việc: găng tay, khẩu trang,... Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên.

- Thời gian thực hiện: Suốt quá trình hoạt động của dự án.

2.3. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Từ sinh hoạt hàng ngày của công nhân và quản lý và các thành viên còn lại trong gia đình.

- Thành phần, thải lượng: Chủ yếu là rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, không đạt tiêu chuẩn, giấy vụn...), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh,...). Thải lượng theo Công văn số 451/STNMT-MT ngày 17/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 0,45 kg/người/ngày (định mức áp dụng cho xã nông thôn).

Bảng 16: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo Công văn số 451/STNMT-MT

STT	Khu vực	Loại đô thị	Lượng CTR phát sinh (kg/người-ngày)
1	Đô thị	I	1,2
2		II	0,9
3		III,IV	0,8
4	Nông thôn	V	0,7
5		Xã nông thôn	0,45

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang, tháng 02 năm 2023)

- *Khối lượng phát sinh:* Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án trung bình khoảng 2,7 kg/ngày trong đó:

+ Đối với các với các thành viên trong gia đình: 04 người x 0,45 kg = 1,8 kg/ngày.

+ Đối với công nhân không lưu trú tại dự án thì lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính bằng ½ định mức: 04 người x 0,225 kg = 0,9 kg/ ngày.

- *Tác động:* Chất thải rắn sinh hoạt không được quản lý, thu gom vận chuyển sẽ gây ra những tác hại đến môi trường và sức khỏe con người ở những khía cạnh sau: Phân hủy tạo mùi hôi thối gây ảnh hưởng sức khỏe của người lao động và người dân xung quanh; Gây ô nhiễm môi trường nước, đất. Đặc biệt là các chất khó phân hủy như nhựa, nylon, thủy tinh,...; Gây tắc nghẽn dòng chảy, cống thoát nước, gây ngập úng sau mưa; Trở thành nguồn phát sinh, nuôi dưỡng và lây lan dịch bệnh thông qua các vật chủ như gián, ruồi, muỗi, chuột các căn

bệnh như: sốt xuất huyết, tiêu chảy, thô tả, giun sán,...; Gây mất mỹ quan khuôn viên công sở, khu vực chung.

- *Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt:*

Công trình lưu giữ: Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy kín, dung tích thùng từ 10 – 20 lít để thu gom, lưu giữ chất thải tại cơ sở, cụ thể như sau:

+ Khu vực trung bày và đóng gói sản phẩm: Số lượng 2 thùng (01 thùng chứa rác hữu cơ dễ phân hủy; 01 thùng chứa rác vô cơ), thể tích 10 lít, thùng nhựa màu xanh.

+ Khu vực nhà bếp: Số lượng 2 thùng (01 thùng chứa rác hữu cơ dễ phân hủy; 01 thùng chứa rác vô cơ), loại 10 lít, thùng nhựa màu xanh.

+ Lối đi nội bộ: 2 thùng (01 thùng chứa rác hữu cơ dễ phân hủy; 01 thùng chứa rác vô cơ), loại 10 lít, thùng nhựa màu xanh.

+ Khu vực tập kết rác: 2 thùng (01 thùng chứa rác hữu cơ dễ phân hủy; 01 thùng chứa rác vô cơ), loại 20 lít, thùng nhựa màu xanh.

- *Chức năng:* Thu gom và phân loại rác thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở và lưu giữ tạm thời, chờ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- *Biện pháp thu gom:*

+ Thực hiện phân loại tại nguồn, trang bị tại mỗi khu vực phát sinh 02 thùng thu gom riêng biệt (01 thùng chứa rác hữu cơ dễ phân hủy; 01 thùng chứa rác vô cơ). Trên nắp thùng có dán chỉ dẫn hướng dẫn phân loại rác sinh hoạt và yêu cầu công nhân hạn chế phát sinh chất thải nhựa để góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường; nghiêm cấm việc xả thải chất thải ra môi trường trong quá trình sinh hoạt tại cơ sở đồng thời phân công cụ thể cho công nhân vệ sinh, thu gom chất thải hàng ngày

+ Tổ chức vệ sinh thu gom, phân loại rác tại nguồn, một phần chất thải được sử dụng bán phế liệu, phần còn lại được chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định với tần suất 01 lần/ngày.

+ Công trình xử lý: Dự án không xử lý chất thải tại dự án, chất thải được hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Thời gian thực hiện:* Suốt quá trình hoạt động của dự án.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở tại các công đoạn thu mua nguyên liệu, gọt vỏ đu đủ, đóng gói sản phẩm

- *Thành phần, thái lượng*: Thành phần chủ yếu là xô nhựa, xô nhựa lâu ngày hư hỏng, vỏ và ruột trái đu đủ, bao bì, dây buộc. Khối lượng phát sinh khoảng 12 kg/ngày cụ thể như sau:

Bảng 17: Tổng khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh

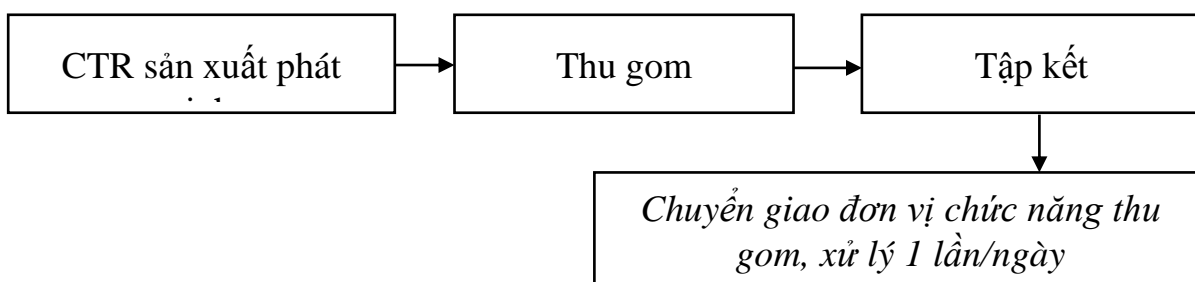
TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/ngày)
1	Vỏ và ruột trái đu đủ	09 01 02	Rắn	TT-R	10
2	Xô nhựa, xô nhựa lâu ngày hư hỏng,	17 02 03	Rắn	TT-R	0,5
3	Bao bì, dây buộc	10 02 10	Rắn	TT-R	1,5
Tổng					12,0

(Nguồn: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và thực tế phát sinh tại dự án)

- *Tác động*: Nguồn thải này phát sinh thấp và tác động thấp đến môi trường xung quanh. Tuy nhiên, cần thu gom, xử lý thích hợp tránh thải bỏ bừa bãi gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

- *Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường*

+ Công trình lưu giữ: Dự án bố trí thùng các thùng chứa rác loại 10 - 20 lít, đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất, cụ thể như sau:



Hình 08: Quy trình thu gom và xử lý chất thải rắn sản xuất

+ Khu vực sản xuất: Số lượng 2 thùng, loại 20 lít, thùng nhựa.

+ Khu trung bày và đóng gói sản phẩm: Số lượng 1 thùng, loại 10 lít, thùng nhựa.

- *Chức năng*: Thu gom chất thải phát sinh tại khu vực sản xuất, cuối ngày chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- *Biện pháp thu gom:*

+ Bố trí 2 nhân sự luân phiên thu gom và tập kết vào kho chứa, nhằm tránh để rác thải rơi vãi ra ngoài gây mất vệ mỹ quan khu vực và ô nhiễm môi trường.

+ Tổ chức công nhân vệ sinh thu gom vào các thùng chứa rác chuyên dụng. Tần suất thu gom rác là 01 lần/ngày.

- *Chức năng:* Thu gom chất thải phát sinh tại khu vực sản xuất, cuối ngày chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- *Công trình xử lý:* Dự án không tự xử lý chất thải tại dự án. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được chủ dự án chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý và bán phế liệu cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải hữu cơ: Vô đủ đủ cơ sở thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý như rác thải sinh hoạt.

+ Đối với rác thải vô cơ: Chất thải được định kỳ hàng tháng cho các lái buôn thu mua phế liệu.

- Thời gian thực hiện: Suốt quá trình hoạt động của dự án.

c) Chất thải nguy hại

- *Nguồn phát sinh:* Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

- *Thành phần, thải lượng:* Thành phần và thải lượng chất thải nguy hại được phân loại theo quy định tại Phụ lục III, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

Bảng 18: Tổng khối lượng CTNH phát sinh

Stt	Tên chất thải	Mã số CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải (Xịt khử mùi, thuốc diệt côn trùng)	16 01 05	Rắn/lỏng	NH	1,0
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	0,5
Tổng					1,5

(Nguồn: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và thực tế phát sinh tại dự án)

- *Tác động*: Với lượng chất thải này nếu không được lưu trữ và xử lý đúng cách sẽ gây ô nhiễm môi trường do các thành phần chất ô nhiễm độc hại tồn tại. Các thành phần ô nhiễm có trong CTNH sẽ tồn tại bền vững trong môi trường và dễ dàng chuyển hóa từ môi trường sang cơ thể con người và động vật gây nhiễm độc nên việc bảo quản và xử lý phải bảo đảm đúng theo quy định.

- *Công trình, biện pháp xử lý chất thải nguy hại*:

+ Công trình lưu giữ: Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại 1 m², có dán biển cảnh báo, gờ chắn chống tràn, chống thấm, đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa.

+ Kết cấu : Nền bê tông, vách tole, mái tole.

Trang bị 2 thùng nhựa loại 20 lít, có dán nhãn CTNH để lưu giữ chất thải và hướng dẫn phân loại để công nhân thực hiện.

- *Chức năng*: Lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở, thời gian lưu giữ không quá 6 tháng.

- *Biện pháp thu gom*:

+ Hướng dẫn công nhân và các thành viên trong gia đình thu gom, phân loại lưu giữ chất thải rắn nguy hại vào thùng chứa an toàn, đúng quy định.

+ Phân loại theo thể rắn, lỏng và lưu chứa vào thùng riêng biệt.

- *Công trình xử lý*: Chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của BTNMT.

- *Thời gian thực hiện*: Suốt quá trình hoạt động của dự án.

2.4. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

- *Nguồn phát sinh*: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông chủ yếu là xe gắn máy ra vào dự án.

- *Tác động*: Độ ồn cao gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người (gây mất ngủ, mệt mỏi), tạo tâm lý khó chịu đến người dân lân cận. Tuy nhiên, nguồn phát sinh này không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn. Do đó, ít gây ảnh hưởng đến môi trường không khí và người dân xung quanh khu vực.

Bảng 19: Tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe của con người

Mức ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
0	Nguưỡng nghe thấy.
80	Bắt đầu cảm thấy ồn và mất tập trung.
100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim.
110	Kích thích mạnh màng nhĩ.
120	Nguưỡng chói tai.
130 - 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp.
140	Đau chói tai, có thể gây mất trí, điên.
145	Giới hạn còn có thể chịu đựng được của con người.
150	Có thể gây thủng màng nhĩ.
160 - 190	Rất nguy hiểm cho người nghe.

(Nguồn: Lê Văn Nãi, Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản, 2000)

- Biện pháp quản lý không chế tiếng ồn:

Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

+ Yêu cầu công nhân và các thành viên trong gia đình, khách hàng giảm tốc độ phương tiện giao thông khi ra vào cơ sở. Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khu vực (≤ 20 km).

+ Nghiêm cấm mọi người tụ họp, gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

+ Thực hiện thời gian hoạt động hợp lý: Sáng từ 7h30 phút đến 11h trưa, chiều từ 13h đến 17h. Không hoạt động vào các giờ cao điểm từ 11h -13h và 18 giờ chiều đến 6h sáng hôm sau.

+ Nhắc nhở các thành viên trong gia đình và công nhân đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình làm việc tại cơ sở.

- Thời gian thực hiện: Suốt quá trình hoạt động của dự án.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a) Sự cố và phương án phòng ngừa cháy nổ

- *Sự cố cháy nổ*: Các nguyên nhân dẫn đến cháy nổ có thể do những nguyên nhân chính sau: Tồn trữ các loại rác, bao bì giất, nilon, sơn.... không đúng quy cách; Các sự cố về thiết bị điện bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy.

- *Tác động*: Sự cố cháy nổ gây thiệt hại lớn về kinh tế và làm ô nhiễm cả 3 hệ sinh thái đất, nước, không khí một cách nghiêm trọng. Hơn nữa còn ảnh hưởng đến hoạt động của dự án, đe dọa đến tính mạng con người và tài sản. Do vậy chủ dự án luôn đặt công tác phòng cháy chữa cháy lên hàng đầu để đảm bảo an toàn, hạn chế những mất mát, tổn thất có thể xảy ra, xây dựng hệ thống phòng chống cháy và trang bị đầy đủ các trang thiết bị theo quy định của cơ quan Phòng cháy chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa sự cố cháy nổ:

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện. Bố trí đường điện an toàn, dọn dẹp máy móc, thiết bị gọn gàng tránh xa các nguồn phát cháy.

+ Các thiết bị điện phải được che chắn bảo vệ.

+ Tham gia lớp tập huấn về an toàn cháy nổ khi có yêu cầu của địa phương.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, không để máy móc hoạt động quá tải xảy ra cháy, nổ.

+ Lắp đặt cầu dao tự động để tự đóng ngắt điện khi có sự cố xảy ra.

+ Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác nhằm dễ dàng sửa chữa, chống chập mạch cháy, nổ.

+ Đặt các biển cảnh báo dễ cháy, yêu cầu các thành viên trong gia đình và công nhân tuân thủ tốt các quy định về PCCC.

- Thời gian thực hiện: Suốt quá trình hoạt động của dự án.

b) Sự cố và phòng ngừa tai nạn lao động

- *Sự cố lao động*: Tai nạn lao động xảy ra làm ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, tinh thần của người lao động. Các nguyên nhân chính gây tai nạn lao động như sau: Không tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định trong vận hành máy móc, thiết bị của dự án; Không thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn về an toàn lao động,

không sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết; Bất cẩn về điện; Những tai nạn do buồn ngủ, mất tập trung lúc làm việc; ...

- *Phương án phòng ngừa tai nạn lao động:*

Để phòng ngừa tai nạn lao động, chủ dự án sẽ thực hiện những biện pháp sau:

+ Trang bị quần áo bảo hộ để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động làm việc thoải mái, dễ chịu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công.

+ Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm an toàn lao động, nhắc nhở công tác an toàn lao động cho nhân viên.

+ Đảm bảo chiếu sáng cho những khu vực làm việc thường xuyên.

+ Hướng dẫn sản xuất đúng quy trình và đảm bảo an toàn lao động.

+ Nghiêm cấm các thành viên sử dụng rượu bia trong thời gian làm việc.

- *Thời gian thực hiện:* Suốt quá trình hoạt động của dự án.

c) Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

-*Nguyên nhân:* Sự cố do vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải

Các sự cố có thể xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải gồm: Đường ống thu gom bị nghẹt, nắp hầm tự hoại bị vỡ làm vi sinh vật trong hệ thống xử lý sinh học bị tê liệt, chết ... có thể dẫn đến sự ngưng trệ của quá trình xử lý nước thải, làm ứ đọng nước thải, gây mùi hôi,

- *Phương án phòng ngừa sự cố:*

+ Luôn bảo trì, kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải.

+ Kiểm soát nguyên liệu đầu vào tại khâu thu mua, không thực hiện thu mua nguyên liệu không đảm bảo chất lượng hoặc chưa được làm sạch.

+ Tạm ngừng hoạt động để khắc phục sự cố, chỉ khi khắc phục xong sự cố mới tiến hành hoạt động trở lại trong trường hợp dự án để xảy ra sự cố.

+ Định kỳ 1 năm/lần, thuê đơn vị chức năng đến hút cặn ra khỏi bể tự hoại

- *Thời gian thực hiện:* Suốt quá trình hoạt động của dự án.

2.6. Mùi hôi từ quá trình ủ mặ́m

- *Nguồn phát sinh:* Mùi hôi phát sinh từ quá trình ủ mặ́m. Do nguyên liệu sản xuất của cơ sở có mùi tanh lâu ứ lâu ngày nên rất dễ phát sinh mùi hôi như

khí như NH₃, H₂S... Lượng khí này rất khó tính toán được, nên chủ cơ sở đã có phương quản lý hiệu quả hạn chế tối đa việc phát sinh mùi hôi ra môi trường xung quanh.

- *Thành phần:* Do nguyên liệu sản xuất có mùi tanh nên rất dễ phát sinh mùi hôi như khí như NH₃, H₂S... Lượng khí này rất khó tính toán được, nên chủ dự án đã có phương quản lý hiệu quả hạn chế tối đa việc phát sinh mùi hôi ra môi trường xung quanh.

- *Công trình, biện pháp xử lý mùi hôi:*

+ Nguồn nguyên liệu đầu vào đã được loại bỏ ruột, mang, vảy dưới vây và các mạch máu từ các hộ dân đánh bắt trước khi mua về.

+ Trang bị 02 quả cầu thông gió inox, loại đường kính 450 × 450 cm, đảm bảo thông thoáng, hạn chế mùi phát sinh từ công đoạn ướp thính, ủ mằm,...

+ Ướp cá đúng quy trình để không bị phân hủy gây phát sinh mùi hôi gây ô nhiễm môi trường.

+ Gài chặt cá đã ướp và đậy kín nắp xô, để ở nơi khô ráo và tránh ánh nắng mặt trời để không gây phát sinh mùi hôi.

- *Thời gian thực hiện:* Suốt quá trình hoạt động của dự án.

2.7. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

Nước thải sau xử lý của dự án tự thấm vào đất, không xả ra công trình thủy lợi như kênh, mương nội đồng nên báo cáo không đánh giá nội dung này.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường mà dự án sẽ áp dụng vào dự án:

Bảng 20: Tiến độ hoàn thành và dự toán kinh phí các công trình BVMT

Stt	Tên công trình/ Biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện	Dự toán kinh phí (đồng)
1	Hệ thống thu gom - thoát nước mưa	Thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn xây dựng dự án	Thuộc phần chi phí xây dựng
2	Hệ thống thu gom - thoát nước thải		
3	Bể tự hoại 3 ngăn		
4	Bố trí khu vực lưu chứa CTR-CTNH	(dự kiến từ tháng	5.000.000

Stt	Tên công trình/ Biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện	Dự toán kinh phí (đồng)
		8/2023 – 12/2023)	
5	Lắp đặt, trang bị các thiết bị PCCC	Trước khi dự án đi vào vận hành (dự kiến tháng 12/2023)	30.000.000
6	Trang bị thùng chứa CTR-CTNH		2.000.000
7	Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Thực hiện trong suốt thời gian vận hành dự án (từ tháng 01/2024 trở về sau)	6.000.000 đồng/năm
8	Giám sát môi trường định kỳ hàng năm		5.000.000 đồng/năm

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong quá trình thực hiện báo đơn vị tư vấn sử dụng nhiều phương pháp:

- Phương pháp thống kê: Ứng dụng trong việc thu nhập và xử lý các số liệu về khí tượng, thủy văn, kinh tế, xã hội tại khu vực của dự án.

- Phương pháp kế thừa số liệu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm: Xác định các thông số về hiện trạng chất lượng không khí xung quanh.

- Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do tổ chức Y tế thế giới thiết lập: Ước tính tải lượng các chất ô nhiễm từ các hoạt động của dự án.

- Phương pháp so sánh: Dùng để đánh giá các tác động trên dự án các quy chuẩn môi trường Việt Nam.

- Các phương pháp khác:

+ Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Phương pháp này sử dụng trong quá trình điều tra các loài sinh vật trong khu vực thực hiện dự án.

+ Phương pháp đánh giá chung: Được sử dụng trong việc nhận định lại các tác động môi trường một cách khái quát nhất.

+ Phương pháp kế thừa và tổng hợp tài liệu: Phương pháp này sử dụng trong quá trình dẫn chứng các số liệu nghiên cứu thực tiễn để làm tăng thêm độ tin cậy cho nội dung các tác động trong dự án.

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải

Tổng lượng nước thải phát sinh tại dự án: 2,48 m³/ngày đêm, trong đó:

+ Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của 04 người không lưu trú và 04 người lưu trú tại dự án. Lưu lượng phát sinh: 0,48 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động sản xuất và nước rửa sàn, nền. Lưu lượng phát sinh: 2,0 m³/ngày đêm.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép 4,5 m³/ngày đêm (theo công suất của hầm tự hoại).

- Dòng nước thải đề nghị cấp phép

Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sau xử lý.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Cụ thể các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

Bảng 21: Giá trị tối đa cho phép của các thông số

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5- 9
2	TSS	mg/l	100
3	Tổng chất rắn h.a tan	mg/l	1000
4	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
5	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
7	BOD ₅	mg/l	50
8	Amoni (N)	mg/l	10
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
10	Dầu, mỡ ĐTV	mg/l	20
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

+ Vị trí xả nước thải: Tô 1, ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000): X=0533392; Y=1199892

+ Phương thức xả thải: Tự chảy sau khi xử lý.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tưới tiêu nội đồng phía sau cơ sở. Tọa độ vị trí tiếp nhận (theo hệ VN 2000): X=0533391; Y=1199893

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh mùi hôi: Mùi hôi phát sinh từ quá trình ủ mắ m. Tọa độ (theo hệ VN 2000): X=0533457; Y=1199941.

- Dòng khí thải: Mùi hôi phát thải ra môi trường xung quanh (Nguồn thải không thu gom tập trung).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải theo QCVN 06:2009/BTNMT như sau:

Bảng 22: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	NH ₃	µg/ m ³	200
2	H ₂ S	µg/ m ³	42

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí: Môi trường xung quanh khu vực sản xuất.

+ Phương thức xả thải: Tự thoát ra môi trường xung quanh (không qua ống thoát khí).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 06:2009/BTNMT.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

- Giá trị tối đa theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

Bảng 23: Giới hạn đối với tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép		
1	Tiếng ồn	dBA	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Độ rung	dB	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	75

- Vị trí phát sinh tiếng ồn: Khu vực lên xuống thu mua nguyên liệu và xuất bán sản phẩm. Tọa độ (theo hệ VN 2000): X=0533468; Y=1199945.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên dự án đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn nên thời gian vận hành thử nghiệm theo Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Do đó, Dự án không thuộc đối tượng phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm trước khi dự án đi hoạt động

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Để đánh giá hiệu suất xử lý và tính ổn định của các công trình xử lý chất thải, chủ dự án lập chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

a) Đối với mùi hôi

- Vị trí thu mẫu: Tại nhà dân gần nhất với dự án.
- Tần suất: 6 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: NH₃ và H₂S.
- Tiêu chuẩn/Quy chuẩn: QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

b) Không khí xung quanh

- Vị trí thu mẫu: Tại nhà dân gần nhất với dự án
- Tần suất: 6 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: tiếng ồn.
- Tiêu chuẩn/Quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ khoản 1 Điều 111 và khoản 1 điều 298 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa

XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/11/2020; Căn cứ Khoản 2 Điều 97 và Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

Dự án sẽ tiến hành thu gom, xử lý theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

- Định kỳ báo cáo về cơ quan phê duyệt Giấy phép môi trường thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tần suất 1 lần/năm.

b) Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường

Dự án sẽ tiến hành phân loại chất thải như: Thùng cotton, bọc nilon, phụ tùng thay thế,...và vận chuyển đến khu vực xử lý theo đúng quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

- Định kỳ báo cáo về cơ quan phê duyệt Giấy phép môi trường thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tần suất 1 lần/năm.

c) Chất thải nguy hại

Dự án sẽ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất thu gom: 01 lần/tuần.

- Định kỳ báo cáo về cơ quan phê duyệt Giấy phép môi trường thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tần suất 1 lần/năm.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Tổng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm là 6.000.000 đồng.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Trên dự án phân tích ở trên, Dự án Hiệu mằm Út Nhanh rất mong được cấp có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép môi trường của dự án, để dự án sớm đi vào hoạt động chính thức góp phần mang lại những lợi ích thiết thực về kinh tế-xã hội cho địa phương. Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam

☞ Hiệu mằm Út Nhanh cam kết:

- Trong quá trình xây dựng, chủ dự án cam kết sẽ thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Trong quá trình hoạt động, xả thải đúng theo giấy phép môi trường được cấp và thực hiện các công tác bảo vệ môi trường như trong giấy phép môi trường đã nêu. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Hiệu mằm Út Nhanh cam kết thực hiện giám sát môi trường định kỳ. Đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn hiện hành QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cam kết quản lý, lưu trữ và hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các quy định pháp Luật khác có liên quan và các quy chuẩn hiện hành.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm.
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
4. Hợp đồng thuê đất.
5. Bản vẽ mặt bằng tổng thể.
6. Bản vẽ thoát nước thải, nước mưa.
7. Bản vẽ mặt bằng thoát nước thải
8. Bản vẽ sơ đồ quan trắc môi trường